

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

Số 15, đường số 2, CX Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP.Hồ Chí Minh



Damsen Plaza®



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
I/- THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY 1. Thông tin khái quát 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý 4. Định hướng phát triển Công ty	03
II/- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020 1. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2020 2. Tổ chức và nhân sự 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án 4. Tình hình tài chính 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	07
III/- BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2. Tình hình tài chính 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai 5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần) 6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	20
IV/- ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	25
V/- QUẢN TRỊ CÔNG TY : 1. Hội đồng quản trị 2. Ban Kiểm soát 3. Các giao dịch, thù lao các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	26
VI/- BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2020 1. Ý kiến của Kiểm toán 2. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020	31

I. Thông tin chung về Công ty :

1. Thông tin khái quát :

- Tên giao dịch : **Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số : 0301074118
- Vốn điều lệ : 1.186.840.000.000 đồng (Một nghìn một trăm tám mươi sáu tỷ tám trăm bốn mươi triệu đồng)
- Địa chỉ : Số 15, đường số 2, Cư Xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TPHCM
- Số điện thoại : 028.38650921 - Số fax : 028.38655930
- Website : www.phuthotourist.com.vn
- Mã cổ phiếu : DSP

Quá trình hình thành và phát triển

Lịch sử của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 năm 1989. Từ một trụ sở nhỏ đặt tại Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh và ban đầu chỉ kinh doanh đơn ngành. Sau hơn 30 năm, Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ quản lý, điều hành 4 đơn vị kinh doanh 4 lĩnh vực dịch vụ du lịch trọng tâm tại thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra còn tham gia liên kết kinh doanh trong nước tại thành phố Hồ Chí Minh với Công ty Cổ phần Công viên Nước Đầm Sen, Công ty Cổ phần Sài Gòn Đà Lạt và Công ty Cổ phần Sài Gòn Đông Hà.

Hiện nay, Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ quản lý và điều hành 4 đơn vị kinh doanh phụ thuộc, đều đặt tại thành phố Hồ Chí Minh, bao gồm:

1. Công viên Văn hóa Đầm Sen;
2. Cụm Khách sạn Ngọc lan – Phú Thọ;
3. Trung tâm Dịch vụ Du lịch Đầm Sen – Damsen Travel;
4. Khu Du lịch sinh thái rừng ngập mặn Vàm Sát.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ còn được thể hiện trong liên kết kinh doanh trong nước. Trên cơ sở chọn lọc các hạng mục đầu tư phù hợp với thế mạnh vốn có, Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ đã tham gia liên kết tại Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen; và đầu tư tài chính vào 2 khách sạn, gồm: Công ty Cổ phần Sài Gòn Đà Lạt và Công ty Cổ phần Sài Gòn Đông Hà .

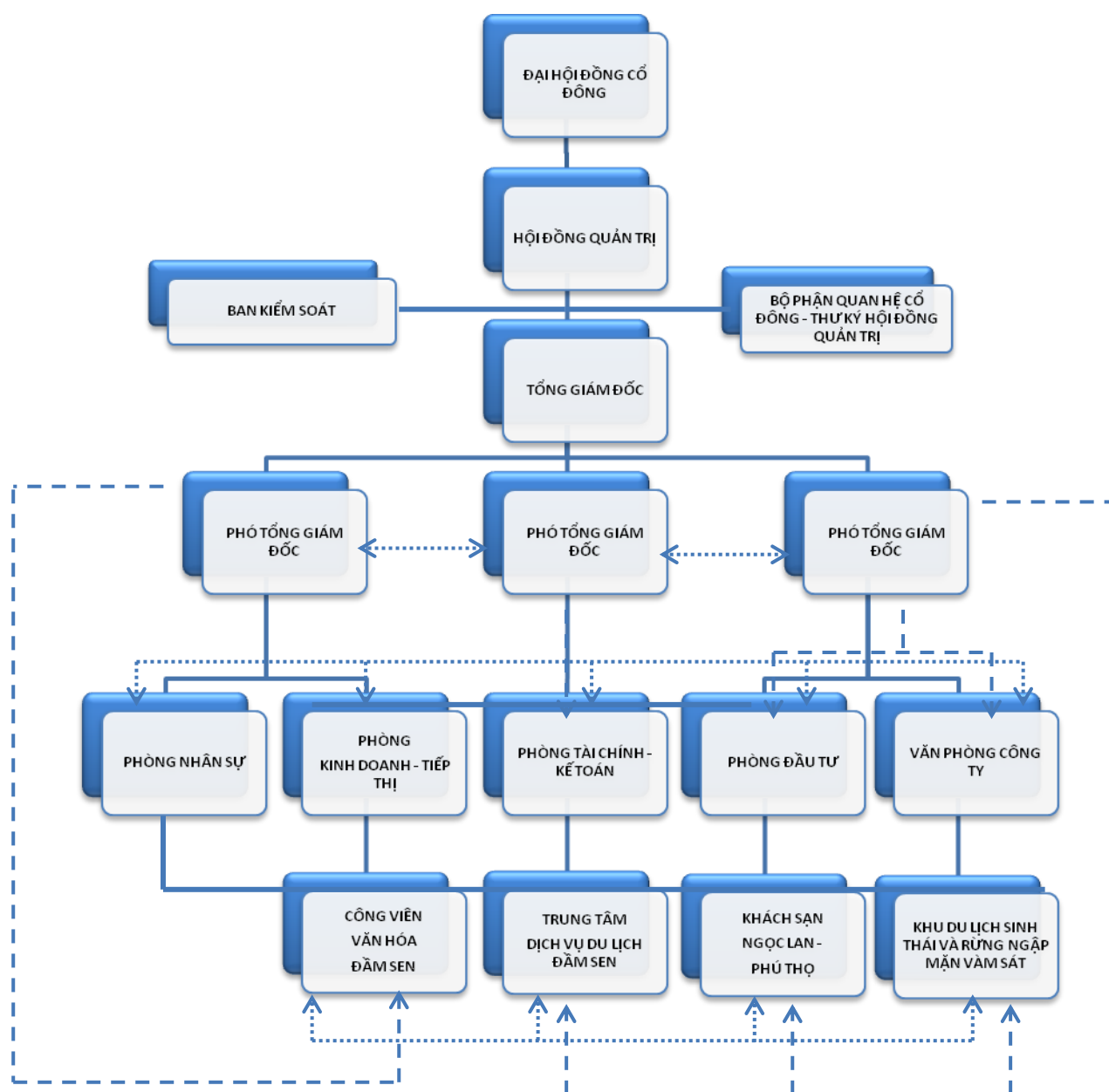
Dù quy mô nhỏ hay lớn, hình thức chuyên doanh hoàn toàn hay liên kết, tất cả các đơn vị kinh doanh và thương hiệu kể trên đều là tài sản, bộ phận kinh doanh không thể tách rời của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ trong hiện tại và tương lai. Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ sẽ tiếp tục theo đuổi mục tiêu làm giàu đời sống tinh thần, nâng tầm thụ hưởng văn hóa cộng đồng, phát triển doanh nghiệp bền vững.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh : Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ đang tập trung vào 4 ngành nghề kinh doanh cốt lõi, bao gồm : dịch vụ vui chơi giải trí, ẩm thực, lưu trú và lữ hành.
- Địa bàn kinh doanh: tập trung hoạt động kinh doanh trên địa bàn Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Riêng Khu Du lịch sinh thái rừng ngập mặn Vàm Sát hoạt động kinh doanh ở Cần Giờ Tp.HCM.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý :

- Mô hình quản trị , cơ cấu bộ máy :



QH chỉ đạo, điều hành —————

QH phụ trách, kiêm nhiệm - - - - ->

Quan hệ phối hợp, hỗ trợ>

- Các công ty con, công ty liên kết:

stt	Tên công ty liên doanh, liên kết	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của Công ty CP DVDL Phú Thọ
1	Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	Số 3 Hòa Bình, Phường 3, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ vui chơi, giải trí và các dịch vụ khác	253,277	33,54%
2	Công ty Cổ phần Sài Gòn Đà Lạt	180 Đường 3 tháng 2, Tp. Đà Lạt	Dịch vụ nhà hàng, khách sạn	29,442	13,67%
3	Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Đông Hà	Số 1 Bùi Thị Xuân, Phường 2, TP. Đông Hà, Tỉnh Quảng trị	Dịch vụ nhà hàng, khách sạn	4,163	3,23%

4. Định hướng phát triển Công ty :

➤ Những khó khăn của năm 2021:

- Năm 2021 dự kiến công ty sẽ gặp những khó khăn khách quan sau:
 - ◆ Tình hình dịch bệnh diễn biến khó lường. Theo kế hoạch của các quốc gia, vaccine Covid-19 phải đến tháng 6/2021 mới phổ cập đại trà cho người dân. Do vậy, công ty lập kế hoạch dựa trên dự kiến 6 tháng đầu năm 2021 dịch bệnh vẫn còn và hết dịch từ tháng 7 trở đi. Tuy nhiên, tình hình kinh tế và sức mua của người dân sẽ khó phục hồi hoàn toàn như giai đoạn trước dịch.
 - ◆ Nguồn tiền mặt của công ty bị giảm đáng kể do phải nộp các khoản truy thu tiền thuê đất và thi hành án của vụ kiện Kexin Chí Đạt. Thêm vào đó, kết quả kinh doanh của công viên nước năm 2020 sẽ làm giảm tỉ lệ chia cổ tức, từ đó làm giảm doanh thu tài chính của công ty.

➤ Những định hướng chung của công ty cho năm 2021:

- Từ những nhận định khó khăn khách quan trên, công ty định hướng cho hoạt động kinh doanh năm 2021 như sau:

Công tác tổ chức kinh doanh:

- ✓ Trong 5 tháng đầu năm: Áp dụng chính sách tương tự như hiện nay: giảm quy mô sự kiện, tăng cường phối hợp với các cơ quan ban ngành, câu lạc bộ, đoàn thể tổ chức sự kiện kinh doanh. Hợp lý hóa thời gian kinh doanh tại từng bộ phận, từng đơn vị để vừa đảm bảo duy trì kinh doanh, vừa tiết giảm chi phí (lương, chi phí hoạt động...).

- ✓ Đầy mạnh kinh doanh từ hè 2021, khi dịch bệnh đã qua đi với những sự kiện lớn, mới lạ.

Đầy mạnh hợp tác đầu tư - kinh doanh:

Qua nhiều năm chưa được đầu tư lớn, sản phẩm của một số đơn vị đã xuống cấp. Việc hợp tác đầu tư khai thác nhằm phát huy thế mạnh của các đối tác, tăng hiệu quả kinh doanh cho công ty. Đầu năm 2021 đã có 2 dự án hợp tác đầu tư khai thác với công ty Alta (công trình Laser nhạc nước” và Công ty Ziuka (Đầm Sen Square). Công ty đang nghiên cứu các dự án hợp tác đầu tư khai thác và hợp tác kinh doanh khác như sau:

- ✓ Hợp tác với SCTV làm phim trường tại mặt bằng nhà rông Tây nguyên và 1200 m² đất của công viên khủng long đã ngừng hoạt động (cạnh bên Đầm Sen Square).
- ✓ Hợp tác bán vé Đầm Sen, bán mặt bằng tổ chức sự kiện và khai thác tiệc sự kiện.

Chuyển đổi số:

Đầy mạnh bán hàng online: bán vé Đầm Sen trên website, phối hợp với Payoo bán vé Đầm Sen tại 20.000 cửa hàng Circle K, bán dịch vụ KS Phú Thọ trên Tiki. Chấp thuận thanh toán với các đơn vị Fintech: VnPay, Momo, Payoo...

Công tác nhân sự:

Dự kiến 6 tháng đầu năm 2021 tình hình kinh doanh vẫn tiếp tục bị ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19, một số biện pháp trong việc chi trả tiền lương như sau:

- ✓ Hạn chế ngày công làm việc, chi trả tiền lương theo ngày công thực tế làm việc.
- ✓ Hạn chế thuê lao động cộng tác viên.
- ✓ Hạn chế tuyển dụng lao động mới.
- ✓ Tổ chức sắp xếp lại công việc, qui trình làm việc phù hợp, tinh giản bộ máy, luân chuyển nhân sự để choàng việc sau khi được đào tạo, nâng cao năng suất lao động.
- ✓ Tạm hoãn HĐLĐ (nếu có).
- ✓ Xây dựng chế độ tiền lương gắn với hiệu quả nhằm nâng cao vai trò của quản lý cấp tổ và thúc đẩy CBNV nỗ lực hơn trong việc thực hiện nhiệm vụ kinh doanh.

- ✓ Cử CBNV tham gia các chương trình đào tạo nhằm nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ (bếp Việt Nam, kỹ năng chăm sóc khách hàng, kỹ năng teamwork, kỹ năng viết bài quảng cáo,...) và tham gia các chương trình tập huấn, cập nhật các điểm mới của luật phục vụ cho công tác chuyên môn của các phòng ban.

II/- Tình hình hoạt động trong năm năm 2020 :

1. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2020 :

✧ CHỈ TIÊU DOANH THU:

Đơn vị tính: đồng

qT T	KHOẢN MỤC	KẾ HOẠCH NĂM 2020 (Đã trừ DT, CP nội bộ)	THỰC HIỆN NĂM 2020 (Đã trừ DT, CP nội bộ)	THỰC HIỆN NĂM 2019 (Đã trừ DT, CP nội bộ)	TỶ LỆ SO KH (%)	TỶ LỆ SO CK (%)
1	Doanh thu thuần	172,375,225,188	131,316,508,156	305,983,272,750	76.18	42.92
2	Giá vốn hàng bán	239,269,553,243	332,323,270,826	284,907,084,384	138.89	116.64
3	Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng	-66,894,328,055	-201,006,762,670	21,076,188,366	-	-
4	Doanh thu hoạt động tài chính	75,378,191,965	66,138,837,923	88,351,127,605	87.74	74.86
5	Chi phí tài chính	145,543,800	347,797,020	129,708,079	238.96	268.14
6	Chi phí bán hàng	7,567,020,260	6,798,699,727	10,921,241,712	89.85	62.25
7	Chi phí quản lý	26,060,017,506	45,718,841,890	28,782,613,699	175.44	158.84
8	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	-25,288,717,656	-187,733,263,384	69,593,752,481	-	-
9	Thu nhập khác	447,845,432	6,330,335,475	3,125,200,866	1413.51	202.56
10	Chi phí khác	159,127,776	61,063,284	2,534,885,594	38.37	2.41
11	Lợi nhuận khác	288,717,656	6,269,272,191	590,315,272	2171.42	1062.02
12	Tổng LN kế toán Trước Thuế	-25,000,000,000	-181,463,991,193	70,184,067,753	-	-
13	Chi phí thuế TNDN	-	-	9,146,001,894	-	-
14	Lợi Nhuận Sau Thuế TNDN	-25,000,000,000	-181,463,991,193	61,038,065,859	-	-

❖ **Thực hiện lợi nhuận năm 2020 (Loại trừ các chi phí phát sinh ngoài kế hoạch):**

STT	DANH MỤC	NĂM 2020
I	Thực hiện lợi nhuận cả năm 2020	-181,463,991,193
II	Các chi phí phát sinh ngoài kế hoạch	131,607,967,268
1	Truy thu tiền thuê đất- KTNN KV XIII - CVĐS và KSPT	104,158,511,845
	+ Giảm CP KS Phú Thọ 915 đường 3/2	- 544,966,968
	+ Giảm CP CV nước theo thông báo CCQ11	- 1,093,697,016
		102,519,847,861
2	Truy thu tiền thuê đất CCTQ 11 - CVĐS - 79 - 83 HB	1,286,757,180
3	Truy thu tiền thuê đất CCTQ 11 - KS Phú Thọ 915 đường 3/2	798,725,360
4	Truy thu tiền thuê đất CCTQ 11 - Công viên nước	1,093,697,016 4,588,003,000
5	Truy thu tiền thuê đất CCT Cần Giờ Vàm Sát	1,063,615,833
6	Lãi tiền lợi nhuận chậm nộp về TCT	12,652,068,169
7	Tiền cổ tức CVN nộp về TCT	7,605,252,849
III	Thực hiện lợi nhuận cả năm 2020 loại trừ các chi phí phát sinh ngoài kế hoạch	-49,856,023,925
IV	Kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2020 là: - 25,000,000,000 đồng. Vậy thực hiện lợi nhuận cả năm lỗ hơn so với kế hoạch : 24,856,023,925 đ	

DÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020:

- Trong năm 2020, công ty đang gặp rất nhiều khó khăn để hoàn thành các chỉ tiêu tài chính được ĐHĐCĐ giao. Doanh thu thuần thực hiện (đã loại trừ doanh thu nội bộ) đạt 131,317 tỷ đồng, đạt 76,18% so với kế hoạch và bằng 42,92% so với cùng kỳ năm 2019. Mặc dù chỉ tiêu doanh thu không đạt được kế hoạch nhưng Ban điều Hành đã cố gắng tiết giảm nhiều chi phí cũng như tìm kiếm nhiều đối tác hợp tác trong các đơn vị để tăng hiệu quả kinh doanh. Do ảnh hưởng của dịch bệnh nên tình hình kinh doanh của công ty trải qua 4 giai đoạn chính như sau:

Giai đoạn 1: Kinh doanh Tết Canh Tý

- Thông tin về dịch bệnh tuy đã xuất hiện trước Tết Canh Tý, nhưng giai đoạn này thông tin chưa nhiều. Đến mừng 3 Tết thì dịch bệnh được báo đài đăng tải nhiều trên mạng xã hội và trên các trang báo chính thống, nên ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh đợt cao điểm Tết của Đầm Sen. Lượng khách trong 10 ngày Tết giảm 35% so với cùng kỳ, dẫn đến doanh thu thuần giảm 31%, xấp xỉ 10,2 tỷ đồng so với cùng kỳ Tết Kỷ Hợi.

Giai đoạn 2: Dịch bệnh bùng phát từ sau Tết Canh Tý đến hết tháng 6

- Từ sau Tết Canh Tý, tình hình dịch bệnh diễn biến khá phức tạp và bùng phát mạnh nên các đơn vị trong công ty gặp rất nhiều khó khăn trong kinh doanh.
- Công ty đã phải đóng cửa hầu hết các đơn vị kinh doanh theo các chỉ thị của Chính Phủ và của Thành Phố về phòng chống dịch bệnh và giãn cách xã hội. Cụ thể như sau:

ĐƠN VỊ		NGÀY NGÜNG HOẠT ĐỘNG	NGÀY HOẠT ĐỘNG TRỞ LẠI
CVVH Đầm Sen	- Ngưng kinh doanh do lượng khách dưới 101 khách.	18/03/2020	31/03/2020
+ Cà phê Vườn Đá + Nhà hàng Thủy Tạ	- UBND TP.HCM có ý kiến chỉ đạo trong công văn số 1049/UBND - TH	24/03/2020	31/03/2020
CVVH Đầm Sen	- Đơn vị ngưng kinh doanh thực hiện giãn cách xã hội theo chỉ thị số 16/CT - TTg của Thủ Tướng Chính Phủ	01/04/2020	22/04/2020
CVVH Đầm Sen	- Thực hiện theo chỉ thị số 19/CT		09/05/2020
+ Cà phê Vườn Đá	- TTg của Thủ Tướng Chính Phủ		25/04/2020
KS Ngọc Lan	- Đơn vị ngưng kinh doanh do không có khách lưu trú	16/03/2020	
KS Phú Thọ	- Đơn vị đã ngưng kinh doanh massage theo chỉ thị của UBND TP.HCM (công văn số 905/UBND - VX)	16/03/2020	31/03/2020

	- Ngưng kinh doanh tất cả các bộ phận để thực hiện giãn cách xã hội theo chỉ thị số 16/CT - TTg của Thủ Tướng Chính Phủ	01/04/2020	29/04/2020
Vàm Sát	- Đơn vị ngưng kinh doanh theo chỉ thị số 1152/UBND - VX của UBND TP.HCM	28/03/2020	31/03/2020
	- Đơn vị ngưng KD thực hiện giãn cách xã hội theo chỉ thị số 16/CT - TTg của Thủ Tướng Chính Phủ.	01/04/2020	29/04/2020
Đầm Sen Travel	- Đơn vị ngưng kinh doanh thực hiện giãn cách xã hội theo chỉ thị số 16/CT - TTg của Thủ Tướng Chính Phủ	01/04/2020	22/04/2020

- Sau khi thực hiện giãn cách xã hội, các đơn vị trong công ty đã gặp rất nhiều khó khăn trong kinh doanh do học sinh đi học trở lại làm cho hoạt động vui chơi giải trí bị đình trệ trong tháng 5 và tháng 6, dẫn đến doanh thu quý II sụt giảm mạnh so với cùng kỳ.

Giai đoạn 3: Dịch bệnh được kiểm soát

- Ngày 01/07/2020, Đầm Sen chính thức hoạt động trở lại 7 ngày trong tuần để chuẩn bị cho đợt kinh doanh hè.
- Tình hình kinh doanh trong tháng 7 khởi sắc, do học sinh đã bắt đầu nghỉ hè, Đầm Sen cũng có nhiều chương trình khuyến mãi hè hấp dẫn để thu hút du khách đến vui chơi tại công viên. Đồng thời, cho ra mắt vé trọn gói Đầm Sen Special được tham quan vui chơi tại 2 công viên. Các đơn vị đẩy mạnh kinh doanh, có những biện pháp tối ưu để kích cầu khách hàng, làm cho doanh thu và lợi nhuận tăng so với kế hoạch, dẫn đến lũy kế 7 tháng đầu năm công ty hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Stt	Chỉ tiêu	KH tháng 7 năm 2020	TH tháng 7 năm 2020	KH 7 tháng năm 2020	TH 7 tháng năm 2020	<u>TH T7</u> KH T7 (%)	<u>TH 7T</u> KH 7T (%)
1	Doanh thu thuần	20,345,463,108	21,839,807,609	83,769,229,720	86,420,268,728	107.34	103.16
2	Doanh thu thuần (Đã loại trừ doanh thu nội bộ)	19,937,463,108	21,254,118,062	81,952,366,084	84,335,979,860	106.60	102.91
3	LN trước thuế TNDN (không loại trừ các khoản truy thu)	3,088,713,669	4,522,059,013	(27,925,872,279)	(140,185,795,306)	146.41	19.92
4	LN trước thuế (đã loại trừ các khoản truy thu)	3,088,713,669	5,014,956,702	(27,925,872,279)	(23,070,721,738)	162.36	121.04

- Tuy nhiên, vào những ngày cuối tháng 7 thì dịch bệnh đã tái bùng phát trở lại làm cho lượng khách sụt giảm mạnh và từ 0h ngày 31/07/2020 Ủy ban Nhân Dân Thành Phố đã ra công văn khẩn số 2869/UBND - VX về việc không tập trung quá 30 người và đóng cửa các dịch vụ không thiết yếu như quán bar, vũ trường,... làm cho tình hình kinh doanh của các đơn vị trong công ty nói riêng và ngành dịch vụ du lịch nói chung lại tiếp tục rơi vào khó khăn.

Giai đoạn 4: Giai đoạn “Bình thường mới” (Giai đoạn này có 3 đợt tái bùng phát dịch)

● **Đợt 1:**

- Từ đầu tháng 8 dịch bệnh tái bùng phát trở lại, diễn biến ngày càng phức tạp, dẫn đến ảnh hưởng rất lớn đến tâm lý khách hàng, tình hình kinh doanh diễn biến theo chiều hướng xấu: lượng khách tham quan công viên sụt giảm mạnh; lượng bàn tiệc nhà hàng Thủy Tạ đã bị dời do có chỉ thị của Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố nói trên; hầu hết các tour tham quan Đầm Sen, Vàm Sát, dịch vụ lữ hành nội địa đã bị hủy hoặc dời qua các tháng hết dịch;...
- Từ ngày 06/08/2020, Công viên Đầm Sen chỉ hoạt động vào 2 ngày cuối tuần.

- Từ giữa tháng 9 đến cuối tháng 11 dịch bệnh đã được kiểm soát trở lại nên kể từ ngày 21/09/2020 Đầm Sen chỉ ngưng hoạt động vào thứ 3 hàng tuần.

● **Đợt 2:**

- Vào cuối tháng 11, dịch bệnh tái bùng phát và đã được kiểm soát. Tuy nhiên, cũng gây ảnh hưởng đến tâm lý vui chơi khách hàng, hàng loạt các tour tham quan Đầm Sen, Vàm Sát hầu hết đã bị hủy hoặc dời lại, lượng phòng ngủ giảm mạnh, gây ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của công ty.

● **Đợt 3:**

- Vào cuối tháng 12/2020, ở khu vực Đông Nam Á tại Thái Lan đang bùng phát dịch Covid - 19, thì ở Việt Nam do một số đối tượng nước ngoài nhập cư trái phép đã làm cho dịch bệnh tái bùng phát, tuy nhiên đã được kiểm soát. Hiện nay, người dân đang sống trong giai đoạn bình thường mới.

Trước tình hình kinh tế nói chung do ảnh hưởng của dịch bệnh, Ban điều hành công ty đã đưa ra những chính sách nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh như sau:

- ◆ Tiết giảm tối đa chi phí.
- ◆ Thực hiện chính sách “Thắt lưng buộc bụng”: tạm ngưng kinh doanh các đơn vị dưới “ngưỡng ngừng hoạt động”; Tính toán lại các phương án làm việc và thời gian kinh doanh để tiết giảm chi phí lương; Tiết giảm tối đa chi phí, giảm quy mô hoặc hủy hết các sự kiện trong thời gian dịch bệnh.
- ◆ Giữ ổn định tổ chức, đảm bảo công ăn việc làm và thu nhập cho CBNV.
- ◆ Tiến hành song song 2 việc: giãn tiến độ đầu tư những công trình chưa cần gấp. Đồng thời đẩy nhanh tiến độ đầu tư sửa chữa, hợp tác kinh doanh những công trình để đưa vào hoạt động sau dịch bệnh.
- ◆ Trong giai đoạn thực hiện “Giãn cách xã hội” các đơn vị trong công ty cũng đã tìm kiếm doanh thu, vẫn giữ cho đơn vị duy trì hoạt động như: ra mắt các món ngon phục vụ tận nhà; Thực hiện xe bán lưu động đặt tại Cà phê Vườn Đá để bán take away; Bán vé máy bay;...
- ◆ Ban hành nhiều chính sách kích cầu tiêu dùng trong hệ thống Saigontourist, tham gia chiến dịch khuyến mãi kích cầu của Sở Du Lịch TP HCM.
- ◆ Đẩy mạnh hợp tác kinh doanh (đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh Laser - Nhạc nước với Công ty Alta) và đang xúc tiến triển khai Đầm Sen Square với Công ty Ziuka.

Toàn công ty luôn đẩy mạnh công tác bán hàng. Với bối cảnh cạnh tranh ngày càng cao, Công ty đã và đang đẩy mạnh các kênh bán hàng như sau:

- ❖ Bán quảng cáo: Quy hoạch vị trí và giá quảng cáo tại công viên Đầm Sen.
- ❖ Hợp tác bán vé Đầm Sen, cho thuê mặt bằng tổ chức sự kiện,...
- ❖ Bán hàng trên các kênh online: các đợt bán vé trọn gói Đầm Sen và cà phê Vườn Đá trên Hotdeal, Bán phòng khách sạn Phú Thọ trên Tiki,...
- ❖ Hợp tác với VNPAY, MOMO: mở rộng hình thức thanh toán online cho cà phê Vườn Đá.
- ❖ Khai thác các nguồn tài trợ: chào mời các đối tác tài trợ cho các sự kiện của công ty, đổi lại bằng quyền lợi quảng cáo trên các trực quan - gian hàng...

2. Tổ chức và nhân sự :

• **Tổng Giám đốc :**

Họ và tên :	Nguyễn Quốc Anh
Giới tính :	Nam
Ngày, tháng, năm sinh :	03/10/1966
Nơi sinh :	Q. Ba Đình Hà Nội
Quốc tịch :	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Bạc Liêu.
Địa chỉ thường trú :	69A đường số 1, Khu cư xá Chu Văn An, phường 26, quận Bình Thạnh, TpHCM.
Số điện thoại :	0903823456
Trình độ Văn hóa :	12/12
Trình độ chuyên môn Cử nhân Luật kinh tế	

Quá trình công tác :

+ Từ 8/1990 – 7/1992	Cán bộ pháp chế Công ty vận tải biển Sài Gòn
+ Từ 8/1992 – 6/1995	Cán bộ pháp chế Công ty Du Lịch Sài Gòn
+ Từ 7/1995 – 12/1995	Trưởng phòng kinh doanh tiếp thị Khách sạn Quê Hương – Sài Gòn tourist.
+ Từ 1/1996 -12/1996	Trợ lý Giám đốc Khách sạn Quê Hương – Sài Gòn tourist.
+ Từ 1/1997-2/2002	Phó Giám đốc Cụm Khách sạn Quê Hương – Sài Gòn tourist.
+ Từ 3/2002-12/2005	Giám đốc KS Đồng Khách Sài Gòn Tourist
+ Từ 1/2006-4/2010	Chánh Văn phòng Tổng Cty DL Sài Gòn –TNHH MTV
+ Từ 5/2010-4/2016	Chủ Tịch HĐQT Công ty TNHH MTV DVDL Phú Thọ.
+ Từ 5/2016 – nay	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ.

Số cổ phần sở hữu :	7.500 cổ phần
Số cổ phần đại diện	19.820.228 cổ phần

▪ **Phó Tổng Giám đốc :**

Họ và tên :	Hoàng Văn Bá
-------------	--------------

Giới tính :	Nam
Ngày, tháng, năm sinh :	11/12/1972
Nơi sinh :	Nghệ An
Quốc tịch :	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Nghệ An
Địa chỉ thường trú :	271 Phạm Văn Bạch, P15, Q. Tân Bình, TPHCM
Số điện thoại :	0983017317
Trình độ Văn hóa :	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
<u>Quá trình công tác :</u>	
+ Từ 7/1995 - 6/1998 :	Kỹ sư xây dựng Công ty Đầu tư Phát triển Giao thông vận tải (Tracodi).
+ Từ 6/1998 - 10/2008 :	Kỹ sư xây dựng Cty TNHH MTV DVDL Phú Thọ.
+ Từ 10/2008 - 10/2009 :	Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV DVDL Phú Thọ.
+ Từ 10/2009 - 6/2010 :	Phó Phòng QLĐT Công ty TNHH MTV DVDL Phú Thọ.
+ Từ 6/2010 - 5/2016 :	Phó TGĐ Cty TNHH MTV DVDL Phú Thọ
+ Từ 5/2016 - nay :	Phó TGĐ Cty Cổ phần DVDL Phú Thọ
Số cổ phần sở hữu :	7.000 cổ phần
▪ Phó Tổng Giám đốc :	
Họ và tên :	Lê Song Trọng Chinh
Giới tính :	Nam
Ngày, tháng, năm sinh :	15/4/1975
Nơi sinh :	TPHCM
Quốc tịch :	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Tiền Giang
Địa chỉ thường trú :	Số 1 đường số 1, KP3, Phường Thảo Điền, Quận 2, TPHCM.
Số điện thoại :	0901887696
Trình độ Văn hóa :	12/12
Trình độ chuyên môn :	Thạc sĩ Tài chính
<u>Quá trình công tác :</u>	
+ Từ 1999 - 2004 :	Chuyên viên kế toán, phụ trách kế toán Ban quản lý dự án mở rộng và nâng cấp đường Hùng Vương thuộc Công ty Đầu tư và Dịch vụ TpHCM
+ Từ 2004 - 2007	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xây dựng Lập Sơn.
+ Từ 2007 - 2011	Kế toán trưởng Công ty CP Địa ốc Sài Gòn Khang Điền.
+ Từ 2011 - 2014	Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ Công ty CP Đầu tư IMG.
+ Từ 2015 - 2016	Phó TGĐ phụ trách tài chính Công ty Cổ phần Sài Gòn Đầu tư Kỹ thuật Xây dựng (ECI Saigon).
+ Từ 2016 – đến nay	Phó TGĐ phụ trách tài chính Công ty Cổ phần DVDL Phú Thọ.
Số cổ phần sở hữu :	không có
▪ Phó Tổng Giám đốc :	

Họ và tên : Dư Hữu Danh
 Giới tính : Nam
 Ngày, tháng, năm sinh : 21/1/1961
 Nơi sinh : TPHCM
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán : An Giang
 Địa chỉ thường trú : 489A/21/24 Huỳnh Văn Bánh, Phường 13, Quận Phú Nhuận, TpHCM.
 Số điện thoại : 0903804816
 Trình độ Văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn Đại học quản trị kinh doanh

Quá trình công tác :

+ Từ 5/1984 - 7/1986 : Cán bộ Quận liên đội TNXP Q3.
 + Từ 8/1986 - 4/1991 : Hiệu phó Trường Giáo dục lao động CNN Q3.
 + Từ 5/1991 - 11/1992 : Giám đốc Nông trường CNN XK Q3.
 + Từ 12/1992 - 4/1995 : Hiệu trưởng Trường Giáo dục lao động CNN Q3
 + Từ 1/1997 - 3/1999: Giám đốc Cty DV ô tô cơ khí vận tải Q3
 + Từ 4/1999 - 7/2000 : Phó GD Cty công trình GTĐT Q3.
 + Từ 8/2000 - 3/2002 : Giám đốc Cty CP DVDL Q3 .
 + Từ 4/2002 - 6/2005 : Giám đốc Cty CP DVDL Mêkông.
 + Từ 7/2005 - 9/2006 : Giám đốc - Chủ tịch HĐQT Cty CP DVDL Mêkông.
 + Từ 10/2006 - 7/2011 : Chủ tịch HĐQT Cty CP DVDL Mêkông.
 + Từ 8/2011 - 10/2012: Chuyên viên TCT Du lịch Sài Gòn TNHH MTV.
 + Từ 11/2012 - 12/2012: Phó TGĐ Cty vận chuyển Sài Gòn Tourist.
 + Từ 1/2013 - 8/2014 : Tổng Giám đốc Cty vận chuyển Sài Gòn Tourist.
 + Từ 9/2014 - 9/2015 : Chuyên viên TCT Du lịch Sài Gòn TNHH MTV.
 + Từ 10/2015 - 4/2016 Phó TGĐ Công ty TNHH MTV DVDL Phú Thọ.
 + Từ 5/2016 - Nay : Phó TGĐ Công ty Cổ phần DVDL Phú Thọ.

Số cổ phần sở hữu : 7.200 cổ phần

■ **Kế toán trưởng :**

Họ và tên : Nguyễn Thị Nguyên
 Giới tính : Nữ
 Ngày, tháng, năm sinh : 28/10/1968
 Nơi sinh : Hải Dương
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán : Long An
 Địa chỉ thường trú : 28/13 CX Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TpHCM
 Số điện thoại : 0908838468
 Trình độ Văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn Đại học quản trị kinh doanh

Quá trình công tác :

- + Từ 10/1989 - 11/1992 : Nhân viên Phòng Kế hoạch Nhà hàng Á Đông.
- + Từ 12/1992-1/1996 : Tiếp tân, Quản đốc Khách sạn Kim Thành thuộc Nhà hàng Á Đông.
- + Từ 2/1996 - 2/1997 : Kế toán Nhà hàng Á Đông
- + Từ 3/1997 - 6/1997 : Phó Kế toán trưởng Nhà hàng Á Đông.
- + Từ 7/1997 - 8/1997 : Kế toán trưởng Nhà hàng Á Đông
- + Từ 9/1997 -12/1997: Phó Kế toán trưởng Nhà hàng Á Đông
- + Từ 1/1998 -10/1999: Phó Kế toán trưởng Nhà hàng Á Đông
- + Từ 10/2001 - 06/2004: Bán hàng Khách sạn Ngọc Lan.
- + 07/2004 - 01/2009 : Tổ phó tiếp tân, kế toán Khách sạn Ngọc Lan
- + 02/2009 - 04/2010 : Kế toán Cty TNHH MTV DVDL Phú Thọ
- + 05/2010 - 10/2010 : Tổ trưởng Phòng Kế toán - Tài chính Cty TNHH MTV DVDL Phú Thọ.
- + 11/2010 - 09/2011 : Phó trưởng phòng Kế toán Cty TNHH MTV DVDL Phú Thọ.
- + 10/2011 - 05/2016: Kế toán trưởng Cty TNHH MTV DVDL Phú Thọ
- + Từ 5/2016 - Nay Kế toán trưởng Cty Cổ phần DVDL Phú Thọ.
- Số cổ phần sở hữu : 12.400 cổ phần

- Những thay đổi trong ban điều hành: không

- Số lượng cán bộ, nhân viên, tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

- Số lượng cán bộ nhân viên công ty bình quân năm 2020 là : 538 người.
- Chính sách đối với người lao động:

Chính sách đối với NLĐ :

- Khám sức khoẻ tổng quát định kỳ hàng năm (xét nghiệm máu, siêu âm tim, X quang phổi, ...).
- Tổ chức nấu bữa ăn giữa ca cho người lao động nhằm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.
- Trang bị đầy đủ công cụ dụng cụ, bảo hộ lao động,... cho từng vị trí công tác.
- Tổ chức các lớp bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ, kiến thức an toàn,... cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án :

a) Các khoản đầu tư lớn: không có .

b) Các công ty con, công ty liên kết : không có.

4. Tình hình tài chính :

a) Tình hình tài chính :

ĐVT : đồng

Chỉ tiêu	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	(%) 2020/2019
Tổng giá trị tài sản	1.381.989.576.915	1.132.593.346.791	81,95
Doanh thu thuần	305.983.272.750	131.316.508.156	42,92
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	69.593.752.481	-187.733.263.384	-269,76
Lợi nhuận khác	590.315.272	6.269.272.191	1.062,02
Lợi nhuận trước thuế	70.184.067.753	-181.463.991.193	-258,55

Lợi nhuận sau thuế	61.038.065.859	-181.463.991.193	-297,30
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	5%		

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	13,91	10,76	
+ Hệ số thanh toán nhanh	13,84	10,71	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	4,46	5,07	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	4,67	5,34	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (lần)			
+ Vòng quay hàng tồn kho	74,46	90,71	
+ Vòng quay Tổng tài sản	0,22	0,10	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	19,95	-138,19	
Chỉ tiêu	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	4,62	-16,88	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	4,42	-16,02	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	22,74	-142,96	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (đến 31/12/2020):

a) Cổ phần :

- Số cổ phần phát hành : 118.684.000 cổ phần
- Số cổ phần tự do chuyển nhượng : 89.790.180 cổ phần
- Cổ phần hạn chế chuyển nhượng : 28.893.820 cổ phần
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/CP

b) Cơ cấu cổ đông:

- Cơ cấu cổ đông :

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu (%)
1	Cổ đông Nhà nước	58.155.160	49.00
2	Cổ đông Chiến lược	41.489.425	34.96
3	Cổ đông ngoài + CBNV	19.039.415	16.04
	Cộng :	118.684.000	100.00

- Cổ đông là tổ chức :

STT	Tên cổ đông	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu (%)
1	Tổng Công ty Du Lịch Sài Gòn - TNHH MTV	58.155.160	49.00
2	CÔNG TY CỔ PHẦN SAM HOLDING	41.489.425	34.96
3	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG	61.800	0.05

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu : không.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ : không .

e) Các chứng khoán khác: không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm 2020 :

Do đặc thù ngành nghề kinh doanh của Công ty là : vui chơi giải trí, nhà hàng, khách sạn, ăn uống nên không sản xuất và đóng gói sản phẩm.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty : không sử dụng.

6.2. Tiêu thụ năng lượng :

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp : - Bình quân trong năm Công ty sử dụng điện năng : 3.434.290 kw, giá trị :10.047.276.031đ

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp : 3.298.346 kw, giá trị : 9.625.966.830đ.

- Năng lượng tiêu thụ gián tiếp : 135.944 kw, giá trị :421.309.201đ

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

Công ty có bộ phận kỹ thuật ở đơn vị phụ thuộc thường xuyên kiểm tra các thiết bị điện và sử dụng tính năng tiết kiệm điện. Nhắc nhở các bộ phận khi rời vị trí làm việc phải kiểm tra và tắt các thiết bị điện trước khi ra về.

6.3. Tiêu thụ nước :

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Các công ty cung cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Lượng nước sử dụng năm 2020 là 15.551 m³ , giá trị là 317.996.910đ.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng : không có

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường :

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

Công ty luôn tuân thủ đúng quy định về môi trường không để vi phạm các quy định về môi trường.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường : không có.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động :

a) Số lượng lao động bình quân : 538người .

Mức lương bình quân: 7.045.711 đồng/người/ tháng

Thu nhập bình quân: 7.790.680 đồng/người/ tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Khám sức khỏe tổng quát định kỳ hàng năm (xét nghiệm máu, siêu âm tim, X quang phổi, ...).
- Tổ chức nấu bữa ăn giữa ca cho người lao động nhằm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Trang bị đầy đủ công cụ dụng cụ, bảo hộ lao động,... cho từng vị trí công tác.
- Tổ chức các lớp bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ, kiến thức an toàn,... cho người lao động.

c/- Hoạt động đào tạo người lao động:

Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm: (2020)

Số giờ đào tạo trung bình cho mỗi nhân viên theo giới tính	
Mỗi nhân viên	20
Mỗi nhân viên nam	21
Mỗi nhân viên nữ	18
Số giờ đào tạo trung bình mỗi nhân viên theo phân loại nhân viên	
Quản lý cấp cao	3
Quản lý cấp trung	21
Nhân viên	21

- Các chương trình phát triển năm 2020:

TT	Nội dung
1	Sinh hoạt chuyên đề về "Tương tác khách hàng trên các trang mạng xã hội"
2	Triển khai hạ tầng ảo hóa Microsoft Azure
3	Hội nghị đối thoại giữa doanh nghiệp và chính quyền thành phố về chính sách lao động, việc làm, an toàn lao động và giáo dục nghề nghiệp
4	Cập nhật điểm mới của Bộ luật lao động có hiệu lực từ 1/1/2021, Hướng dẫn xây dựng hợp đồng lao động theo Bộ luật lao động mới, Giải quyết tranh chấp lao động, Xây dựng thỏa ước lao động
5	Content Marketing
6	Copywriter
7	Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động
8	Tham dự tập huấn, phổ biến pháp luật về lao động năm 2020
9	Cập nhật luật doanh nghiệp sửa đổi, luật đầu tư sửa đổi có hiệu lực từ 1/1/2021
10	Bộ phóng Việt Nam Digital 4.0 - Khóa đào tạo kỹ thuật số căn bản
11	Bộ phóng Việt Nam Digital 4.0 - Khóa đào tạo kỹ thuật số trung và cao cấp
12	Bếp Việt Nam
13	Nâng cao năng lực quản lý năng lượng theo chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng và đổi mới sáng tạo của TP.HCM năm 2020
14	Nghiệp vụ đấu thầu, lựa chọn nhà thầu
15	kỹ năng tổ chức tour trekking
16	Đấu thầu qua mạng

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Công ty chấp hành nghiêm chỉnh những chủ trương, chính sách do chính quyền địa phương phát động.

III/- Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh :

Lợi nhuận sau thuế năm 2020 giảm mạnh so với năm 2019, chủ yếu do :

- Doanh thu chỉ đạt 42,9% so với cùng kỳ, giảm 174.666.764.594 đ do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 (Doanh thu năm 2019 = 305.983.272.750 đ, doanh thu năm 2020 = 131.316.508.156 đ).
- Doanh thu hoạt động tài chính chỉ đạt 74,8% so với cùng kỳ, giảm 22.212.289.682 đ.
- Chi phí tiền thuê đất tăng 127.039.980.989 đ so với cùng kỳ .
(Chi phí tiền thuê đất năm 2019 = 29.507.811.944đ, chi phí tiền thuê đất năm 2020 = 161.135.795.933đ); Trong đó tiền thuê đất truy thu từ 2016 đến 2019 là 111.350.646.249đ.
- Phát sinh khoản phải trả theo Báo cáo KTTN KV XII về Tổng Cty DL Sài Gòn là 20.257.321.018đ.

Tổng cộng tiền thuê đất truy thu và các khoản phát sinh là 131.607.967.267đ.

(Nếu loại trừ các chi phí truy thu phát sinh nêu trên là 131.607.967.267đ, thì lợi nhuận kinh doanh năm 2020 là : - 49.856.023.926đ.)

So sánh thực hiện năm 2020 với kế hoạch năm 2020:

DVT: đồng

TT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2020 (loại trừ DT,CP nội bộ)	THỰC HIỆN NĂM 2020 (loại trừ DT,CP nội bộ)	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	172.375.225.188	131.316.508.156	76,18
2	Giá vốn hàng bán	239.269.553.243	332.323.270.826	138,89
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-66.894.328.055	-201.006.762.670	
4	Doanh thu hoạt động tài chính	75.378.191.965	66.138.837.923	87,74
5	Chi phí tài chính	145.543.800	347.797.020	238,96
6	Chi phí bán hàng	7.567.020.260	6.798.699.727	89,85
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26.060.017.506	45.718.841.890	175,44
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-25.288.717.656	-187.733.263.384	
9	Thu nhập khác	447.845.432	6.330.335.475	1.413,51
10	Chi phí khác	159.127.776	61.063.284	38,37
11	Lợi nhuận khác	288.717.656	6.269.272.191	2.171,42
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-25.000.000.000	-181.463.991.193	

13	Chi phí thuế TNDN hiện hành			
14	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-25.000.000.000	-181.463.991.193	

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2019	Biến động trong năm	Tại ngày 31/12/2020
Tài sản ngắn hạn	822.589.636.313	-232.129.547.765	590.460.088.548
<i>Tiền và tương đương tiền</i>	9.658.948.366	-4.260.152.397	5.398.795.969
<i>Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	741.000.000.000	-276.500.000.000	464.500.000.000
<i>Phải thu ngắn hạn</i>	60.761.350.295	32.999.693.587	93.761.043.882
<i>Hàng tồn kho</i>	4.488.561.693	-1.650.217.898	2.838.343.795
<i>Tài sản ngắn hạn khác</i>	6.680.775.959	17.281.128.943	23.961.904.902
Tài sản dài hạn	559.399.940.602	-17.266.682.359	542.133.258.243
<i>Phải thu dài hạn</i>	5.878.656.948	7.082.796.051	12.961.452.999
<i>Tài sản cố định</i>	164.571.931.915	-27.651.945.914	136.919.986.001
<i>Tài sản dở dang dài hạn</i>	10.636.527.857	17.699.126.982	28.335.654.839
<i>Đầu tư tài chính dài hạn</i>	299.770.928.865	-1.547.797.020	298.223.131.845
<i>Tài sản dài hạn khác</i>	78.541.895.017	-12.848.862.458	65.693.032.559
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.381.989.576.915	-249.396.230.124	1.132.593.346.791

b) Tình hình nợ phải trả

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2019	Biến động trong năm	Tại ngày 31/12/2020
<i>Nợ ngắn hạn</i>	59.122.685.512	-4.256.632.321	54.866.053.191
<i>Nợ dài hạn</i>	2.567.942.000	-60.942.000	2.507.000.000
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ	61.690.627.512	-4.317.574.321	57.373.053.191

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Tái cơ cấu sắp xếp, rút gọn bộ máy nhân sự.
- Chính sách thưởng trong kỳ lương: chỉ thưởng khi thực hiện vượt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận trước thuế trong kỳ chi lương hàng tháng cho bộ phận/ tổ đội/ đơn vị; Điều chỉnh đối tượng có ảnh hưởng kết quả kinh doanh phù hợp hơn, nhằm nâng cao trách nhiệm của các cấp quản lý.
- Sắp xếp cho người lao động nghỉ phép vào các ngày/ tháng kinh doanh thấp điểm.
- Chấn chỉnh lại việc chấp hành các qui định về giờ giấc làm việc, trang phục, tác phong, giao tiếp với khách hàng,... (qui định trong qui chế thi đua, khen thưởng, kỷ luật: chấm điểm hàng tháng và trừ điểm nếu vi phạm các qui định, nội quy công ty).
- Người lao động hưởng lương theo ngày làm việc thực tế (do ảnh hưởng dịch bệnh Covid -19, các đơn vị tạm ngưng hoạt động kinh doanh theo chỉ đạo của UBND Tp. HCM, Công viên Đầm Sen chỉ kinh doanh 3 ngày cuối tuần,...).

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai :

Công ty đề ra các biện pháp để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đăng ký cho năm 2021 như sau:

Biên pháp về kinh doanh – tiếp thị :

Tổ chức sự kiện kinh doanh:

- Tổ chức các sự kiện kinh doanh vẫn là giải pháp quan trọng của Đầm Sen, để hoàn thành kế hoạch được giao. Định hướng sự kiện 2021 như sau:
 - Giảm quy mô sự kiện từ tháng 1 đến tháng 5 vì dự kiến tình hình dịch bệnh vẫn còn ảnh hưởng.
 - Tổ chức sân chơi cho các câu lạc bộ để hoạt động thường xuyên: acoustic, ván trượt, patin, ca nô mô hình, xe cổ, thú cưng....
 - Tăng cường phối hợp với các cơ quan ban ngành tổ chức các sự kiện kinh doanh trên cơ sở không tốn phí hoặc chỉ hỗ trợ 1 phần chi phí.
- Các hạng mục sự kiện dự kiến triển khai trong năm 2021:

THỜI GIAN	NỘI DUNG SỰ KIỆN	ĐỀ XUẤT
THÁNG 1	- Tết Dương lịch 2021: khai trương Laser - Nhạc nước.	- Công viên phối hợp với các đối tác thực hiện.
THÁNG 2	- Ngày hội Valentine. - Tết Tân Sửu năm 2021.	- Công viên tự thực hiện. - Công viên phối hợp với các đối tác thực hiện.
THÁNG 3	- Ngày Quốc Tế Phụ Nữ 8/3 - Kỷ niệm 90 năm ngày thành lập đoàn TNCS Hồ Chí Minh.	- Công viên phối hợp với HLH Phụ Nữ quận 11 thực hiện. - Công viên phối hợp với quận đoàn, đoàn thanh niên TCT và một số trường thực hiện.
THÁNG 4	- Giỗ Tổ Hùng Vương “Hương về đất Tổ”. + Chương trình Lễ Giỗ Quốc Tổ Hùng Vương. + Hội thi gói bánh chưng. - Sự kiện 30/4 & 1/5: Tập trung tổ chức sự kiện trên hồ quảng bá chương trình Laser - Nhạc nước, pháo hoa.	- Ủy ban mặt trận các quận lân cận: Q11, Q10, Q5, Tân Phú, Bình Tân, Bình Chánh,... - Ủy ban mặt trận Tổ Quốc Q11. - Công viên phối hợp với các đối tác thực hiện.

THÁNG 5	- Ngày hội y tế công cộng TP.HCM	- Hội y tế công cộng TP.HCM
THÁNG 6,7,8: Hoạt động hè	- Quốc tế thiếu nhi. - Khai mạc sách trao tay lần thứ 13. - Tổ chức cuộc thi trang trí “Check in hè năm 2021”. - Ngày Nhà Báo VN 21/06/2021. - Tổ chức giải đấu Rubix Thành Phố. - Lễ hội đường phố. - Giải đấu Patin Thành Phố. - Tuần lễ văn hóa ẩm thực chay.	- Công viên thực hiện. - Sở GD & ĐT TP.HCM - Công viên thực hiện. - Hội nhà báo TP.HCM - Công viên thực hiện. - Công viên thực hiện. - Sở văn hóa thể thao TP. - Phối hợp với hội Phật Giáo VN.
THÁNG 9	- Sự kiện chào mừng Quốc Khánh 02/09/2021. - Sự kiện Tết Trung Thu. - Các chương trình Trung Thu của ban ngành đoàn thể.	- Công viên thực hiện. - Công viên thực hiện. - Ban ngành đoàn thể.
THÁNG 10	- Tổ chức các hoạt động chào mừng Ngày Phụ Nữ Việt Nam 20/10/2021. - Lễ hội bia “Đầm Sen Brew & Grill Party” lần 4. - Ngày hội Halloween.	- Phối hợp với HLH Phụ Nữ TP và HLH Phụ Nữ quận 11. - Công viên thực hiện. - Công viên thực hiện.
THÁNG 11	- Các hội thi chào mừng ngày Nhà Giáo Việt Nam 20/11/2021. - Chương trình “Ước mơ của Thúy”.	- Sở giáo dục và đào tạo TP phối hợp với công viên thực hiện. - Phối hợp với Báo Tuổi Trẻ.
THÁNG 12	- Chương trình Xuân Chiến Sĩ kỷ niệm ngày thành lập QĐNDVN 22/12/2021. - Sự kiện Noel – Tết dương lịch.	- Công viên phối hợp với Bộ tư lệnh quân khu 7 thực hiện. - Công viên phối hợp với các đối tác thực hiện.

Đẩy mạnh công tác Sales - Marketing:

Xây dựng chính sách giá hợp lý và linh hoạt, bán hàng chủ động, chuyển đổi số:

Tại Đầm Sen:

- Xây dựng nhiều chính sách giá linh hoạt và đa dạng các chính sách khuyến mãi để thu hút du khách đến tham quan Đầm Sen.

- Đẩy mạnh ưu đãi dành cho khách đặt tiệc tại Nhà hàng Thủy Tạ, áp dụng chính sách kích cầu nội bộ, hoa hồng cho người giới thiệu tiệc, thưởng cho nhân viên bán vượt chỉ tiêu tiệc,...
- Làm Set Menu dành cho khách vắng lai, set menu cho khách đoàn, voucher Buffet xem laser - nhạc nước...để kết hợp bán trên các kênh bán deal nhà hàng: Hotdeal, Foody, TiKi, Now Table,...
- Phòng giáo dục trải nghiệm phong phú thêm chương trình giáo dục như: động vật, thực vật, cơ khí, tương tác ảo,...
- Tập trung sale các sản phẩm sau:
 - ◆ Sale quảng cáo: Hợp tác kinh doanh các pano LED quanh công viên, tại Đầm Sen Square, bán quảng cáo trên màn hình nước,...
 - ◆ Sale mặt bằng: Cho thuê mặt bằng để tổ chức sự kiện, gian hàng sampling sản phẩm, Sale gian hàng, cho thuê sân khấu tại Đầm Sen Square,...
 - ◆ Khai thác tài trợ cho các sự kiện, tài trợ cho đầm Sen Square.
- Chuyển đổi số: đẩy mạnh bán hàng online và chấp nhận thanh toán với các đơn vị Fintech: VNPAY, MOMO, PAYOO,...
- Gửi thư ngỏ tới Ban chỉ đạo sinh hoạt hè tại các quận huyện, các trường Đại học tại TP.HCM để tổ chức chương trình tổng kết sinh hoạt hè, tổng kết công tác đoàn cuối năm,...

▪ **Tại khách sạn Phú Thọ:**

- Liên kết với các đơn vị lữ hành, khách sạn trong hệ thống Sài Gòn Tourist đưa khách tỉnh về.
- Chính sách giá linh hoạt: giảm giá mùa thấp điểm, giá giảm sau 22h, giá combo,...
- Chính sách chi hoa hồng cho hướng dẫn, các tài xế xe khách, taxi đưa khách vắng lai tới.

➤ **Tại Trung tâm điều hành du lịch Đầm Sen:**

- Xây dựng chính sách hoa hồng phù hợp để kích cầu các công ty đưa khách về Đầm Sen.
- Tập trung dịch vụ chăm sóc khách hàng.
- Ban hành các chính sách để linh động trong chính sách giá.
- Bán sản phẩm mới: tour tham quan Đầm Sen kết hợp xem Nhạc nước; Tour Giáo dục trải nghiệm tại Đầm Sen; tour mới “Con đường tình báo biệt động nội đô Sài Gòn”;...

Công tác Marketing:

- Tiếp tục chiến lược “Content Marketing” nhằm xây dựng hình ảnh Đầm Sen mới hơn trong nhận thức của khách hàng: tăng cường sản xuất video clip, bài PR renew sản phẩm: vườn hoa, cảnh quan, trò chơi, dịch vụ ăn uống,...
- Tham gia tiếp thị, quảng bá dịch vụ ẩm thực trong các sự kiện, lễ hội do Đầm Sen tổ chức và các sự kiện bên ngoài.
- Khi thực hiện tour thì quảng bá thương hiệu du lịch Đầm Sen qua các standee, bangron, backdrop tại mỗi điểm đến.
- Khai thác quảng cáo cho các nhãn hàng trên màn hình nước.
- Tại nhà hàng Thủy Tạ Đầm Sen: đẩy mạnh quảng cáo làm mới nghi thức lễ tiệc đưa các clip Cô Dâu Chú Rể lên trên màn hình nước.

Biên pháp tối ưu hóa lợi nhuận:

- Song song với nhiệm vụ tăng doanh thu, công ty tập trung vào công tác kiểm soát chi phí để đảm bảo chỉ tiêu lợi nhuận như: CP nguyên vật liệu, CP mua sắm tài sản - hàng hóa, CP lương, CP xây dựng cơ bản,...

Công tác đầu tư:

- Trong năm 2021, chủ yếu triển khai những hạng mục đã lập từ năm 2020 và tập trung cho công trình lớn của Đầm Sen là Băng Đăng.

Tái cơ cấu công ty:

- Sáp nhập bộ máy quản lý: một số phòng ban công ty sẽ sáp nhập với phòng ban công viên Đầm Sen nhằm tăng hiệu suất hoạt động, triển khai nhanh hơn những quyết sách của ban Tổng giám đốc, tinh gọn bộ máy.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần): không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Công ty luôn thực hiện và tuân thủ đúng những quy định của Nhà nước.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Năm 2020 Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động đúng theo quy định của Nhà nước.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

Trong năm Công ty thể hiện tinh thần trách nhiệm ở địa phương, tích cực tham gia các hoạt động ở địa phương như : phong trào thể dục thể thao, an sinh xã hội, hỗ trợ các chương trình do địa phương phát động và Ban ngành Thành phố

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty :

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Năm 2020, Công ty luôn tuân thủ các quy định và hướng dẫn bảo vệ môi trường, không gây ô nhiễm ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường trong khu vực. Công ty thường xuyên các biện pháp bảo vệ môi trường như : bảo trì các thiết bị, trồng và chăm sóc cây xanh để cải thiện khí hậu, sử dụng các thiết bị chiếu sáng tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Hội đồng quản trị thực hiện giám sát các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc được quy định phân cấp thẩm quyền về công tác giám sát thông qua báo cáo quản trị hàng tháng và họp HĐQT hàng quý.
- Việc phối hợp Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đúng quy định tại Điều lệ và quy chế quản trị của Công ty.
- Hàng quý trên cơ sở báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, những thuận lợi, khó khăn trong công tác điều hành của Tổng Giám đốc đã được Hội đồng quản trị tổ chức họp xem xét, đánh giá và có kết luận chỉ đạo thực hiện.
- Trong năm 2020 Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đầy đủ các báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh đầy đủ, minh bạch.
- Năm 2020, các hoạt động kinh doanh của Công ty tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật hiện hành. Mặc dù tình hình dịch bệnh phức tạp nhưng Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm cao và chủ động thực hiện các phương án kinh doanh.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- ✓ Dời văn phòng công ty về khuôn viên công viên Đàm Sen.
- ✓ Thực hiện quy hoạch lại 1/500 Công viên Văn hóa Đàm Sen, xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đồng thời phối hợp Công ty tư vấn lập đề án chiến lược phát triển Công viên Văn hóa Đàm Sen tầm nhìn đến 2035.

V. Quản trị công ty :

1. Hội đồng quản trị :

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên	Chức danh	Số cổ phần sở hữu cá nhân	Số cổ phần Đại diện	Ghi chú
1	Trần Việt Anh	Chủ tịch	Không có	17.053.595	
2	Nguyễn Đông Hòa	Thành viên	Không có	19.820.228	
3	Phương Xuân Thụy	Thành viên	Không có	34.489.425	

4	Nguyễn Quốc Anh	Thành viên	7.500	19.820.228	
5	Nguyễn Tiến Đạt	Thành viên	Không có	18.514.704	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị : Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị :

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị tổ chức họp định kỳ hàng quý và lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản nhằm nắm bắt toàn diện mọi tình hình, hoạt động kinh doanh của Công ty để đưa ra các quyết định, chiến lược phù hợp với tình hình thực tế trên cơ sở các chỉ tiêu đã thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua. Trong năm Hội đồng quản trị đã thông qua các Nghị quyết sau :

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
01	01/2020/HĐQT/NQ	17/01/2020	- Giao Tổng Giám đốc điều chỉnh Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 và Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2020 theo góp ý của Hội đồng quản trị, trình Hội đồng quản trị thông qua. - Thống nhất việc di dời Văn phòng Công ty về Công viên Văn hóa Đầm Sen. - Thông qua tờ trình về việc chi lương tháng 13 năm 2019 cho cán bộ nhân viên. - Thông qua chủ trương đầu tư khu vui chơi tuyết ICE – SNOW FUN PLAY và Băng Đăng tại Công viên Văn hóa Đầm Sen. Hội đồng quản trị cùng với Ban Điều hành triển khai thực hiện. - Thông qua chủ trương đầu tư Nhạc nước và màn hình nước tại Công viên Văn hóa Đầm Sen. Hội đồng quản trị cùng với Ban Điều hành triển khai thực hiện.
02	02/2020/HĐQT/NQ	20/02/2020	- Thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 vào ngày 21/04/2020. - Thời gian chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 vào ngày 03/04/2020. - Hội đồng quản trị thống nhất ủy quyền cho Ông Trần Việt Anh – Chủ tịch HĐQT thực hiện tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đúng quy định. - Thành lập Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị. Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị tiến hành triển khai thực hiện.

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
03	03/2020/HĐQT/NQ	27/03/2020	- Gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 chậm nhất trước ngày 30/6/2020, do tình hình diễn biến phức tạp của dịch Covid -19. - Hủy thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 vào ngày 21/04/2020. - Hủy danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng ngày 03/04/2020. - Thời gian dự kiến tổ chức Đại hội : tháng 6/2020. - Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục cần thiết tại cơ quan có thẩm quyền để xin gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
04	04/2020/HĐQT/NQ	8/05/2020	- Thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 dự kiến ngày 16/06/2020. - Thời gian chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 vào ngày 29/05/2020. - Hội đồng quản trị thống nhất ủy quyền cho Ông Trần Việt Anh – Chủ tịch HĐQT thực hiện tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đúng quy định.
05	06/2020/HĐQT/NQ	01/07/2020	- Thống nhất chọn Công ty TNHH PWC (Việt Nam) là đơn vị kiểm toán soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020 và báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ. - Giao Tổng Giám đốc ký hợp đồng dịch vụ kiểm toán với Công ty TNHH PWC (Việt Nam).
06	07/2020/HĐQT/NQ	07/07/2020	- Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ thống nhất thông qua các nội dung như sau: ▪ Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2019 : 5% mệnh giá cổ phiếu (mỗi cổ phiếu nhận 500 đồng). ▪ Phương thức thanh toán : Tiền mặt. ▪ Ngày đăng ký cuối cùng : 22/7/2020. ▪ Ngày thực hiện chi trả cổ tức : 10/8/2020.
07	08/2020/HĐQT/NQ	22/10/2020	- Thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 3/2020. - Giao Tổng Giám đốc báo cáo chi tiết ước thực hiện kết quả hoạt động kinh doanh quý 4/2020 và cả năm 2020 trình Hội đồng quản trị. - Giao Tổng Giám đốc xây dựng Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2021 : doanh thu, chi phí đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh trình Hội đồng quản trị thông qua.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập :

Năm 2020 Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm góp phần với Hội đồng quản trị trong việc ban hành các chủ trương, chiến lược kịp thời và hiệu quả.

e) Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty :

Năm 2020 các Thành viên Hội đồng quản trị Công ty chưa tham gia các khóa đào tạo về quản trị Công ty .

2. Ban Kiểm soát :

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban Kiểm soát gồm 3 thành viên :

- Bà Hồ Thị Ngọc Như - Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách
- Bà Vũ Thị Thanh Thủy - Thành viên
- Nguyễn Thị Thu Tâm - Thành viên

b) Hoạt động của Ban kiểm soát :

Ban kiểm soát đã tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức của Công ty trong việc quản lý điều hành toàn bộ các hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể:

- Giám sát việc điều hành quản lý của Tổng Giám đốc công ty thực hiện đúng các quyền hạn và chức năng đã được quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật của Nhà nước. Xem xét các báo cáo tài chính định kỳ do Ban Tổng giám đốc Công ty cung cấp.
- Giám sát việc chấp hành các nghĩa vụ của Công ty theo quy định của Pháp luật bao gồm : nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các nghĩa vụ tài chính khác.
- Phối hợp làm việc với đơn vị kiểm toán độc lập để cùng tìm hiểu và làm rõ các vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm toán.
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính bán niên và cả năm của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, và các tài liệu khác.
- Phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị và Ban Điều hành công ty để đảm bảo việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Tham dự các buổi họp của Hội Đồng Quản trị, các buổi họp giao ban tuần và các cuộc họp khác để nắm bắt, theo dõi tình hình hoạt động của công ty; tham gia thảo luận, góp ý.
- Trong năm, Ban Kiểm soát đã nhận được đề nghị của Hội Đồng Quản trị Công ty thực hiện soát xét tình hình hoạt động của Công ty 9 tháng đầu năm 2020 và đã có báo cáo trình Hội Đồng Quản trị Công ty vào ngày 10 tháng 11 năm 2020.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý):

STT	Mức thù lao	Số tiền
	Hội đồng quản trị	620.400.000
1	Trần Việt Anh	130.800.000
2	Nguyễn Quốc Anh	120.000.000
3	Phương Xuân Thụy	57.600.000
4	Nguyễn Đông Hòa	120.000.000
5	Nguyễn Tiến Đạt	120.000.000
6	Lê Thị Lan Hương	72.000.000
	Ban Kiểm soát	734.000.000
1	Hồ Thị Ngọc Như	542.000.000
2	Vũ Thị Thanh Thủy	96.000.000
3	Nguyễn Thị Thu Tâm	38.400.000
4	Huỳnh Thanh Hồng	57.600.000
	Ban Tổng Giám đốc	2.144.767.000
1	Nguyễn Quốc Anh	851.808.000
2	Dư Hữu Danh	432.563.000
3	Hoàng Văn Bá	432.563.000
4	Lê Song Trọng Chinh	427.833.000
	Kế toán trưởng	432.540.000
1	Nguyễn Thị Nguyễn	432.540.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch	Ghi chú

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ :

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch	Ghi chú
01	Công ty CP SAM Holdings	Cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết	3600253537	152/11B Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam			0	Mua vé máy bay

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty :

Hội đồng quản trị Công ty thực hiện việc quản lý, quản trị Công ty công khai, dân chủ, minh bạch tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định của Công ty niêm yết về công tác kiểm toán, báo cáo quản trị 6 tháng, báo cáo quản trị 1 năm và báo cáo thường niên. Các báo cáo tài chính đều được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

VI/- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 :

1-Ý kiến của kiểm toán :

Theo ý kiến của kiểm toán, ngoại trừ ảnh hưởng các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ”. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020**



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 – DN)	6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 – DN)	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 – DN)	10
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 – DN)	11

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

**Giấy chứng nhận
đăng ký doanh nghiệp**

Số 0301074118 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 21 tháng 7 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 17 tháng 5 năm 2016.

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Việt Anh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đông Hòa	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Đạt	Thành viên
Ông Phương Xuân Thụy	Thành viên
	(từ ngày 16 tháng 6 năm 2020)
Ông Trần Anh Vương	Thành viên
	(đến ngày 16 tháng 6 năm 2020)

Ban Kiểm soát

Bà Hồ Thị Ngọc Như	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Thanh Thủy	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Tâm	Thành viên
	(từ ngày 16 tháng 6 năm 2020)
Bà Huỳnh Thanh Hồng	Thành viên
	(đến ngày 16 tháng 6 năm 2020)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Anh	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Văn Bá	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Song Trọng Chính	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dư Hữu Danh	Phó Tổng Giám đốc

**Người đại diện theo
pháp luật**

Ông Nguyễn Quốc Anh	Tổng Giám đốc
---------------------	---------------

Trụ sở chính

15 Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Kiểm toán viên

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 6 đến trang 48. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Anh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2021



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du Lịch Phú Thọ ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2020 và được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 26 tháng 3 năm 2021. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 6 đến trang 48.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính này. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập báo cáo tài chính nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của kết luận ngoại trừ

Như được trình bày tại Thuyết minh 6(a) của báo cáo tài chính này, Công ty đã ghi nhận một khoản phải thu từ Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn – TNHH Một Thành viên số tiền là 62.619.338.705 Đồng. Tuy nhiên, tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, chúng tôi chưa thể thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp về khả năng thu hồi của khoản phải thu này.

Ngoài ra, như được trình bày tại Thuyết minh 29 của báo cáo tài chính này, trong năm 2021, Công ty nhận được yêu cầu thanh toán một khoản tiền thuê đất truy thu là 83.415.136.382 Đồng và khoản tiền phạt do chậm nộp tiền thuê đất là 8.142.251.112 Đồng. Do nghĩa vụ này liên quan đến trách nhiệm đã hiện hữu của Công ty tại ngày lập bảng cân đối kế toán và được đánh giá là một sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm cần điều chỉnh theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Tuy nhiên, Công ty không đồng ý với các quyết định truy thu tiền thuê đất và tiền phạt chậm nộp và đã nộp đơn khiếu nại đề ngày 15 tháng 3 năm 2021 đến Tổng Cục Thuế và đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 3 năm 2021 đến Tòa án Nhân dân Quận 11 liên quan đến quyết định truy thu tiền thuê đất và tiền phạt chậm nộp của Chi cục Thuế Quận 11. Vì vậy, Công ty không hạch toán khoản truy thu tiền thuê đất và tiền phạt chậm nộp này trong báo cáo tài chính. Nếu Công ty ghi nhận khoản truy thu tiền thuê đất và tiền phạt chậm nộp này theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam cho giai đoạn trước thời điểm cổ phần hóa thì khoản mục Nợ phải thu ngắn hạn khác trên Bảng cân đối kế toán sẽ tăng thêm 83.415.136.382 Đồng, khoản mục Chi phí khác trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tăng thêm 8.142.251.112 Đồng và khoản mục Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trên Bảng cân đối kế toán sẽ tăng thêm 91.557.387.494 Đồng.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến các vấn đề sau đây:

- 1) Thuyết minh 2.12 của báo cáo tài chính cho thấy tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty phân bổ lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa Công ty vào ngày 16 tháng 5 năm 2016 trong 10 năm theo Thông tư Số 127/2014/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành Hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và Công văn số 13956/CT-TTHT ngày 21 tháng 11 năm 2019 do Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh ban hành trả lời câu hỏi của Công ty về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp;
- 2) Thuyết minh 2.16 của báo cáo tài chính cho thấy tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty không ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp thôi việc cho nhân viên do áp dụng Thông tư Số 180/2012/TT-BTC về Hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012; và
- 3) Tại ngày phê chuẩn của báo cáo tài chính này, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (Thuyết minh 31).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Nguyễn Hoàng Nam
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0849-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM10407
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2021



Trần Thị Cẩm Tú
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2713-2018-006-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2020 VND	2019 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		590.460.088.548	822.589.636.313
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	5.398.795.969	9.658.948.366
111	Tiền		5.398.795.969	4.658.948.366
112	Các khoản tương đương tiền		-	5.000.000.000
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		464.500.000.000	741.000.000.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	464.500.000.000	741.000.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		93.761.043.882	60.761.350.295
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	5.395.257.843	5.381.034.149
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		291.091.626	2.699.518.356
136	Phải thu ngắn hạn khác	6(a)	88.222.556.813	52.795.965.889
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(166.760.000)	(143.514.500)
139	Tài sản thiếu chờ xử lý		18.897.600	28.346.401
140	Hàng tồn kho	7	2.838.343.795	4.488.561.693
141	Hàng tồn kho		2.838.343.795	4.488.561.693
150	Tài sản ngắn hạn khác		23.961.904.902	6.680.775.959
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8(a)	1.576.033.593	2.092.772.959
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12(b)	22.385.871.309	4.588.003.000

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 48 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2020 VND	2019 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		542.133.258.243	559.399.940.602
210	Các khoản phải thu dài hạn		12.961.452.999	5.878.656.948
211	Phải thu dài hạn của khách hàng		240.000.000	240.000.000
216	Phải thu dài hạn khác	6(b)	19.761.452.999	12.678.656.948
219	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(7.040.000.000)	(7.040.000.000)
220	Tài sản cố định		136.919.986.001	164.571.931.915
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	135.937.335.625	164.441.863.140
222	Nguyên giá		547.660.969.219	539.161.552.203
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(411.723.633.594)	(374.719.689.063)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	982.650.376	130.068.775
228	Nguyên giá		31.014.572.390	29.999.912.390
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(30.031.922.014)	(29.869.843.615)
240	Tài sản dở dang dài hạn		28.335.654.839	10.636.527.857
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	28.335.654.839	10.636.527.857
250	Đầu tư tài chính dài hạn		298.223.131.845	299.770.928.865
252	Đầu tư vào công ty liên kết	4(b)	253.277.125.000	253.277.125.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(b)	33.605.592.683	33.605.592.683
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(b)	(459.585.838)	(111.788.818)
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	11.800.000.000	13.000.000.000
260	Tài sản dài hạn khác		65.693.032.559	78.541.895.017
261	Chi phí trả trước dài hạn	8(b)	65.693.032.559	78.541.895.017
270	TỔNG TÀI SẢN		1.132.593.346.791	1.381.989.576.915

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 48 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2020 VND	2019 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		57.373.053.191	61.690.627.512
310	Nợ ngắn hạn		54.866.053.191	59.122.685.512
311	Phải trả người bán ngắn hạn	11	10.392.136.221	10.791.455.379
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12(a)	597.086.124	2.778.978.115
314	Phải trả người lao động	13	2.763.786.916	6.244.179.292
315	Chi phí phải trả ngắn hạn		5.041.818.157	-
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		227.504.210	200.186.021
319	Phải trả ngắn hạn khác	14(a)	32.328.652.575	33.086.055.827
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15	3.515.068.988	6.021.830.878
330	Nợ dài hạn		2.507.000.000	2.567.942.000
337	Phải trả dài hạn khác	14(b)	2.507.000.000	2.567.942.000
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.075.220.293.600	1.320.298.949.403
410	Vốn chủ sở hữu		1.075.220.293.600	1.320.298.949.403
411	Vốn góp của chủ sở hữu	16, 17	1.186.840.000.000	1.186.840.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.186.840.000.000	1.186.840.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	17	69.686.924.280	69.686.924.280
421	(Lỗ sau thuế lũy kế)/lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	17	(181.306.630.680)	63.772.025.123
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		157.360.513	2.733.959.264
421b	- (Lỗ sau thuế)/LNST chưa phân phối của năm nay		(181.463.991.193)	61.038.065.859
440	TỔNG NGUỒN VỐN		1.132.593.346.791	1.381.989.576.915

Nguyễn Thị Minh Nga
Người lập

Nguyễn Thị Nguyên
Kế toán Trưởng



Nguyễn Quốc Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 26 tháng 3 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 48 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

Mẫu số B 02 – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2020 VND	2019 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	131.316.508.156	305.983.272.750
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	131.316.508.156	305.983.272.750
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(332.323.270.826)	(284.907.084.384)
20	(Lỗ)/lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	(201.006.762.670)	21.076.188.366
21	Doanh thu hoạt động tài chính	66.138.837.923	88.351.127.605
22	Chi phí tài chính	(347.797.020)	(129.708.079)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	-	(17.919.261)
25	Chi phí bán hàng	(6.798.699.727)	(10.921.241.712)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(45.718.841.890)	(28.782.613.699)
30	(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(187.733.263.384)	69.593.752.481
31	Thu nhập khác	6.330.335.475	3.125.200.866
32	Chi phí khác	(61.063.284)	(2.534.885.594)
40	Lợi nhuận khác	6.269.272.191	590.315.272
50	Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(181.463.991.193)	70.184.067.753
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	-	(9.146.001.894)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
60	(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN	(181.463.991.193)	61.038.065.859
70	(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.529)	478

Nguyễn Thị Minh Nga
Người lập

Nguyễn Thị Nguyên
Kế toán Trưởng



Nguyễn Quốc Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 26 tháng 3 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 48 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

Mẫu số B 03 – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(181.463.991.193)	70.184.067.753
Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	42.885.063.405	46.647.784.672
03	Các khoản dự phòng	371.042.520	255.303.318
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(66.232.018.548)	(88.167.083.095)
06	Chi phí lãi vay	-	17.919.261
08	(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	(204.439.903.816)	28.937.991.909
09	Tăng các khoản phải thu	(84.167.253.822)	(9.067.271.207)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho	1.650.217.898	(1.324.590.931)
11	Giảm các khoản phải trả	(451.750.054)	(9.512.688.953)
12	Giảm chi phí trả trước	13.365.601.824	11.411.115.592
14	Tiền lãi vay đã trả	-	(17.919.261)
15	Tiền thuế TNDN đã nộp	(1.448.846.877)	(11.054.321.335)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(6.779.426.500)	(6.329.626.488)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(282.271.361.347)	3.042.689.326
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(32.993.154.757)	(25.817.757.902)
22	Tiền thu từ thanh lý TSCĐ	154.090.909	500.000
23	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	(470.800.000.000)	(771.700.000.000)
24	Tiền thu lại tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	748.500.000.000	774.400.000.000
27	Tiền thu cổ tức và lãi tiền gửi	92.402.488.298	88.084.233.930
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	337.263.424.450	64.966.976.028
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ vay ngắn hạn	-	10.002.019.377
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	-	(10.002.019.377)
36	Tiền cổ tức đã trả	(59.252.215.500)	(71.102.770.890)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(59.252.215.500)	(71.102.770.890)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(4.260.152.397)	(3.093.105.536)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	9.658.948.366	12.752.053.902
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	5.398.795.969	9.658.948.366

Nguyễn Thị Minh Nga
Người lập

Nguyễn Thị Nguyên
Kế toán Trưởng



Nguyễn Quốc Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 26 tháng 3 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 48 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (“Công ty”) tiền thân là Chi nhánh Dịch vụ Du lịch Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh thành lập theo Quyết định Số 205/QĐ-UB ngày 10 tháng 10 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân (“UBND”) Thành phố Hồ Chí Minh (“TP. HCM”).

Theo Quyết định Số 287/QĐ-UB ngày 17 tháng 8 năm 1990 của UBND TP. HCM, Chi nhánh Dịch vụ Du lịch Quận 11 được chuyển thành Công ty Dịch vụ Du lịch Phú Thọ trực thuộc Ủy ban Nhân dân Quận 11, TP. HCM.

Theo Quyết định Số 5518/QĐ-UB ngày 31 tháng 12 năm 2002 của UBND TP. HCM, Công ty Dịch vụ Du lịch Phú Thọ được chuyển thành doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn.

Theo Quyết định Số 2397/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2006 của UBND TP. HCM, Công ty Dịch vụ Du lịch Phú Thọ được chuyển thành Công ty TNHH Một Thành viên (“MTV”) Dịch vụ Du lịch Phú Thọ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Số 0301074118 cấp lần đầu ngày 21 tháng 7 năm 2006.

Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp ngày 17 tháng 5 năm 2016. Vốn điều lệ của Công ty theo như đăng ký là 1.186.840.000.000 Đồng tương đương 118.684.000 cổ phần với mệnh giá 1 cổ phần là 10.000 Đồng.

Cổ phiếu của Công ty được đưa vào giao dịch trên thị trường UPCoM với mã chứng khoán là DSP kể từ ngày 17 tháng 10 năm 2018 theo Thông báo Số 1219/TB-SGDHN ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Công ty có trụ sở chính đặt tại 15 Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP. HCM, Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là:

- Tổ chức kinh doanh các dịch vụ du lịch vui chơi giải trí, văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao, dịch vụ du lịch sinh thái rừng ngập mặn;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn;
- Kinh doanh nhà hàng, ăn uống;
- Kinh doanh xông hơi xoa bóp, karaoke;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành quốc tế, nội địa;
- Kinh doanh vận chuyển hành khách theo hợp đồng;
- Đại lý vé máy bay, tàu lửa, tàu thủy;
- Đại lý đổi ngoại tệ;
- Dịch vụ về nhiếp ảnh;
- Kinh doanh bãi đậu xe;
- Mua bán: hàng lưu niệm, kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, lương thực thực phẩm, thủ công mỹ nghệ, mỹ phẩm, hàng dệt may, rượu, bia, thuốc lá điều sản xuất trong nước, hoa, cá kiểng, động vật (chim, cá sấu, rắn, rấn);
- Quảng cáo;
- Tổ chức liên hoan; hội chợ; và
- Giữ rừng.

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có một công ty liên kết được trình bày như trong Thuyết minh số 4.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 519 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 612 người).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng"). Công ty xác định đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ, có ảnh hưởng lớn đến giá bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ; đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết giá bán và nhận thanh toán; đơn vị tiền tệ sử dụng chủ yếu trong việc mua hàng hóa, dịch vụ; có ảnh hưởng lớn đến chi phí nhân công, nguyên vật liệu, và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác, và thông thường dùng để thanh toán cho các chi phí đó.

Ngoài ra, Công ty còn sử dụng đơn vị tiền tệ này để huy động các nguồn lực tài chính (như phát hành cổ phiếu) và thường xuyên thu được đơn vị tiền tệ này từ các hoạt động kinh doanh và tích trữ lại.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thu hồi.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.8 Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn.

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá trị góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

(d) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết; đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối năm tài chính khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy mà Công ty nắm giữ lâu dài, dự phòng được lập khi giá gốc cao hơn giá trị thị trường. Đối với các khoản đầu tư khác, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi công ty nhận đầu tư bị lỗ.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.9 Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”) là thỏa thuận giữa Công ty và các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên theo thỏa thuận của BCC. BCC có thể được thực hiện dưới hình thức hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC thỏa thuận chia doanh thu.

BCC dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát là hoạt động liên doanh không thành lập cơ sở kinh doanh mới. Các bên có nghĩa vụ, được hưởng quyền lợi theo thỏa thuận trong BCC, và thực hiện hoạt động của BCC cùng với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Nếu BCC quy định các khoản chi phí phát sinh riêng cho hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát do mỗi bên chịu, thì Công ty phải ghi nhận khoản chi phí đó. Đối với các khoản chi phí chung, Công ty căn cứ vào các thỏa thuận trong hợp đồng để ghi nhận.

2.10 Tài sản cố định (“TSCĐ”)

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khấu hao và hao mòn

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	3 - 7 năm
Thiết bị quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 6 năm
Phần mềm quản lý	3 - 6 năm
TSCĐ khác	5 - 15 năm

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.10 TSCĐ (tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; và chi phí tư vấn đầu tư xây dựng. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.11 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa Công ty được phân bổ trong 10 năm kể từ ngày cổ phần hóa theo Thông tư Số 127/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2014 và Công văn Số 13956/CT-TTHT ngày 21 tháng 11 năm 2019 do Cục thuế TP. HCM ban hành về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

2.13 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính chất thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

2.14 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.15 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

2.16 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Công ty áp dụng Thông tư Số 180/2012/TT-BTC về Hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012, nên Công ty không trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho người lao động. Khi người lao động nghỉ việc, Công ty sẽ ghi nhận chi phí trợ cấp thôi việc thực tế phát sinh vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.17 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước chủ yếu bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước về khoản doanh thu tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

2.18 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

LNST chưa phân phối/(lỗ sau thuế lũy kế) phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.19 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của năm tài chính mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các nhà cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ sau:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán. Quỹ được sử dụng để khen thưởng, khuyến khích, đãi ngộ tiền và hiện vật, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

2.20 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.20 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)****(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.21 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.22 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

2.23 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ, chủ yếu bao gồm các chi phí về nhân viên bán hàng, quảng cáo và hoa hồng bán hàng.

2.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất; thuê môn bài, dịch vụ mua ngoài, lợi thế kinh doanh và các chi phí khác.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.25 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại**

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm hay một năm khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.26 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.27 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính của Công ty bao gồm:

- Tiền thuê đất phải nộp cho giai đoạn trước thời điểm cổ phần hóa (ngày 16 tháng 5 năm 2016) được hạch toán là khoản phải thu từ cổ đông nhà nước và sẽ được quyết toán cùng với quyết toán cổ phần hóa. Khoản tiền thuê đất phát sinh cho giai đoạn sau cổ phần hóa sẽ được ghi nhận vào chi phí của Công ty (Thuyết minh 12 và Thuyết minh 29); và
- Phải trả khác liên quan đến hoạt động góp vốn liên doanh với Chí Đạt (Thuyết minh 30).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Người đại diện theo pháp luật đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2020 VND	2019 VND
Tiền mặt	1.774.051.000	2.670.773.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.577.612.197	1.903.801.686
Tiền đang chuyển	47.132.772	84.373.680
Các khoản tương đương tiền (*)	-	5.000.000.000
	<u>5.398.795.969</u>	<u>9.658.948.366</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng bằng Đồng Việt Nam có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng và có lãi suất hàng năm được hưởng là 5%.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

Mẫu số B 09 – DN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	2020		2019	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
i. Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	464.500.000.000	464.500.000.000	741.000.000.000	741.000.000.000
ii. Dài hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	11.800.000.000	11.800.000.000	13.000.000.000	13.000.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có tại các ngân hàng thương mại trong nước có thời hạn gửi còn lại từ trên 3 tháng đến 12 tháng, với lãi suất hàng năm được hưởng từ 6,50%/năm đến 8,85%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 6,80%/năm đến 8,85%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tiền gửi có kỳ hạn dài hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có tại ngân hàng thương mại trong nước có thời hạn gửi còn lại trên 12 tháng, với lãi suất hàng năm được hưởng là 7,20%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 8,85%/năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

Mẫu số B 09 – DN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	2020		2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
i. Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Công viên Nước Đầm Sen (*)	253.277.125.000	-	253.277.125.000	-
ii. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Sài Gòn Đà Lạt (**)	29.442.390.096	-	29.442.390.096	-
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Đồng Hà (**)	4.163.202.587	(459.585.838)	4.163.202.587	(111.788.818)
	33.605.592.683	(459.585.838)	33.605.592.683	(111.788.818)

(*) Giá gốc của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Công viên Nước Đầm Sen được xác định lại theo phương án chuyển đổi Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ thuộc Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV thành công ty cổ phần được UBND TP. HCM phê duyệt theo Quyết định Số 6321/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2015. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Công viên Nước Đầm Sen là 194.516.832.000 Đồng.

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trên báo cáo tài chính vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

Mẫu số B 09 – DN

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2020 VND	2019 VND
Bên thứ ba	5.333.987.843	4.029.946.149
Bên liên quan (Thuyết minh 27(b))	61.270.000	1.351.088.000
	<u>5.395.257.843</u>	<u>5.381.034.149</u>

Chi tiết những khách hàng là bên thứ ba chiếm từ 10% trở lên trong tổng phải thu ngắn hạn của khách hàng như sau:

	2020 VND	2019 VND
Công ty TNHH Chăm sóc Sức khỏe Nhất phẩm Hoàng Gia	2.471.730.400	920.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Đại Dương	1.060.247.512	899.540.564
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	203.503.286	541.481.700

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, bao gồm trong khoản phải thu ngắn hạn khách hàng là 396.974.000 Đồng các khoản phải thu từ bên thứ ba đã quá hạn thanh toán từ 180 ngày trở lên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 112.370.900 Đồng).

6 PHẢI THU KHÁC

(a) Ngắn hạn

	2020		2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu từ Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV (*)				
(Thuyết minh 27(b))	62.619.338.705	-	-	-
Lãi phải thu từ tiền gửi có kỳ hạn	21.914.869.590	-	33.589.757.565	-
Tiền thuê đất của giai đoạn trước cổ phần hóa (**)	2.728.877.249	-	2.728.877.249	-
Phải thu người lao động	323.651.680	-	363.892.500	-
Ký quỹ, ký cược	231.144.589	-	439.039.675	-
Tạm ứng cho nhân viên	194.200.000	-	249.200.000	-
Phải thu cổ tức (Thuyết minh 27(b))	-	-	14.588.762.400	-
Khác	210.475.000	-	836.436.500	-
	<u>88.222.556.813</u>	<u>-</u>	<u>52.795.965.889</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

Mẫu số B 09 – DN

6 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(a) Ngắn hạn

(*) Số tiền phải thu từ Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV ("Tổng công ty") bao gồm khoản 75.271.406.874 Đồng lợi nhuận chưa phân phối đã trả về Công ty mẹ giảm trừ cho khoản 12.652.068.169 Đồng lãi chậm nộp cho việc không kịp thời nộp lợi nhuận còn lại về Tổng công ty, được kiến nghị xử lý tài chính theo Báo cáo Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII ngày 18 tháng 6 năm 2020 (Thuyết minh 29).

(**) Số dư bao gồm 2.168.870.000 Đồng tiền thuê đất của Khu đất Công viên Đàm Sen, số 3 Hòa Bình, Phường 3, Quận 11, TP. HCM cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 16 tháng 5 năm 2016 và 560.007.249 Đồng tiền thuê đất của Khu Du lịch Sinh thái Rừng Ngập mặn Vàm Sát, Huyện Cần Giuộc, TP. HCM cho giai đoạn từ 2010 đến ngày 16 tháng 5 năm 2016 được thông báo căn cứ theo Công văn Số 250a/KV IV-TH ngày 3 tháng 5 năm 2019 của Kiểm toán Nhà nước Khu vực IV gửi Kho bạc Nhà nước TP. HCM về việc kiến nghị tăng thu Ngân sách Nhà nước qua kiểm toán chuyên đề "Việc Quản lý, Sử dụng Đất trong và sau Quá trình Cổ phần hóa của Doanh nghiệp Nhà nước Giai đoạn 2011 - 2017 trên Địa bàn TP. HCM". Tại ngày 5 tháng 8 năm 2019, Công ty đã thông báo Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV (chủ sở hữu cũ của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ) số tiền thuê đất bổ sung của giai đoạn trước cổ phần hóa này theo Thông báo Số 097/CV-2019. Việc tất toán tiền thuê đất này vẫn đang chờ chỉ đạo xử lý tài chính từ UBND TP. HCM và Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV.

Trong đó, chi tiết số dư của bên thứ ba và bên liên quan như sau:

	2020 VND	2019 VND
Bên thứ ba	25.603.218.108	38.207.203.489
Bên liên quan (Thuyết minh 27(b))	62.619.338.705	14.588.762.400
	<u>88.222.556.813</u>	<u>52.795.965.889</u>

(b) Dài hạn

	2020		2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu liên quan đến hoạt động góp vốn liên doanh với				
Chí Đạt (Thuyết minh 30)	18.243.452.999	6.800.000.000	11.160.656.948	6.800.000.000
Ký quỹ, ký cược	1.518.000.000	-	1.518.000.000	-
	<u>19.761.452.999</u>	<u>6.800.000.000</u>	<u>12.678.656.948</u>	<u>6.800.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

Mẫu số B 09 – DN

7 HÀNG TỒN KHO

	2020 VND	2019 VND
Nguyên vật liệu tồn kho	1.721.614.659	2.810.730.979
Hàng hóa	1.116.729.136	1.677.830.714
	<u>2.838.343.795</u>	<u>4.488.561.693</u>

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	2020 VND	2019 VND
Chi phí bảo trì, sửa chữa	948.964.344	626.712.994
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	537.836.249	234.872.965
Khác	89.233.000	1.231.187.000
	<u>1.576.033.593</u>	<u>2.092.772.959</u>

(b) Dài hạn

	2020 VND	2019 VND
Chi phí lợi thế kinh doanh (*)	54.750.613.016	64.934.227.028
Chi phí khấu hao Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen (**)	6.995.003.594	6.995.003.594
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.174.647.237	4.052.923.207
Chi phí sửa chữa TSCĐ	1.119.080.522	1.676.405.250
Khác	653.688.190	883.335.938
	<u>65.693.032.559</u>	<u>78.541.895.017</u>

(*) Chi phí lợi thế kinh doanh phát sinh sau khi thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và đã được UBND TP. HCM phê duyệt theo Quyết định Số 6040/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2015.

(**) Bao gồm chi phí khấu hao của TSCĐ dùng để vận hành việc cho thuê mặt bằng và kinh doanh Bowling tại Trung tâm Thương mại Bowling từ năm 1998 đến 2010 (Thuyết minh 30).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ**Mẫu số B 09 – DN****8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (tiếp theo)****(b) Dài hạn (tiếp theo)**

Biến động chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	80.634.667.976	92.045.783.568
Mua trong năm	58.017.680.652	44.116.013.098
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.004.567.088	3.791.116.781
Phân bổ trong năm	(73.348.917.564)	(59.440.217.495)
Khác	(38.932.000)	121.972.024
Số dư cuối năm	<u>67.269.066.152</u>	<u>80.634.667.976</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

Mẫu số B 09 – DN

9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị quản lý VND	Phương tiện vận tải VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	327.275.309.570	176.498.886.915	2.060.845.563	29.713.208.248	3.613.301.907	539.161.552.203
Xây dựng cơ bản mới hoàn thành (Thuyết minh 10)	5.262.831.811	1.528.605.000	1.646.385.265	-	-	8.437.822.076
Mua trong năm	3.536.470.161	643.225.455	1.325.270.311	-	336.579.772	5.841.545.699
Thanh lý, nhượng bán	-	(5.549.655.419)	(70.810.060)	(159.485.280)	-	(5.779.950.759)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	336.074.611.542	173.121.061.951	4.961.691.079	29.553.722.968	3.949.881.679	547.660.969.219
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	203.745.499.565	142.364.097.268	1.499.657.126	25.432.153.230	1.678.281.874	374.719.689.063
Khấu hao trong năm	28.923.603.469	10.393.146.544	297.389.114	1.978.465.697	1.130.380.182	42.722.985.006
Thanh lý, nhượng bán	-	(5.494.970.731)	(70.810.060)	(153.259.684)	-	(5.719.040.475)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	232.669.103.034	147.262.273.081	1.726.236.180	27.257.359.243	2.808.662.056	411.723.633.594
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	123.529.810.005	34.134.789.647	561.188.437	4.281.055.018	1.935.020.033	164.441.863.140
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	103.405.508.508	25.858.788.870	3.235.454.899	2.296.363.725	1.141.219.623	135.937.335.625

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 161.143.805.945 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 132.967.286.725 Đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

Mẫu số B 09 – DN

9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) TSCĐ vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	2.475.163.663	27.524.748.727	29.999.912.390
Xây dựng cơ bản mới hoàn thành (Thuyết minh 10)	1.014.660.000	-	1.014.660.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	<u>3.489.823.663</u>	<u>27.524.748.727</u>	<u>31.014.572.390</u>
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	2.345.094.888	27.524.748.727	29.869.843.615
Khấu hao trong năm	162.078.399	-	162.078.399
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	<u>2.507.173.287</u>	<u>27.524.748.727</u>	<u>30.031.922.014</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	<u>130.068.775</u>	<u>-</u>	<u>130.068.775</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	<u><u>982.650.376</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>982.650.376</u></u>

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 29.530.636.215 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 29.530.636.215 Đồng).

10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi tiết xây dựng cơ bản dở dang theo từng dự án như sau:

	2020 VND	2019 VND
Công viên Đầm Sen	26.471.765.008	8.963.984.522
Khu Du lịch Sinh thái Vầm Sắt	336.969.699	521.699.699
Khác	1.526.920.132	1.150.843.636
	<u>28.335.654.839</u>	<u>10.636.527.857</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

Mẫu số B 09 – DN

10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG (tiếp theo)

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	10.636.527.857	1.078.967.384
Mua trong năm	27.151.609.058	17.730.891.365
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 9(a))	(8.437.822.076)	(9.465.457.319)
Chuyển sang TSCĐ vô hình (Thuyết minh 9(b))	(1.014.660.000)	-
Tăng khác	-	1.292.126.427
Số dư cuối năm	<u>28.335.654.839</u>	<u>10.636.527.857</u>

11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2020		2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba	10.389.225.312	10.389.225.312	10.610.326.290	10.610.326.290
Bên liên quan (Thuyết minh 27(b))	2.910.909	2.910.909	181.129.089	181.129.089
	<u>10.392.136.221</u>	<u>10.392.136.221</u>	<u>10.791.455.379</u>	<u>10.791.455.379</u>

Chi tiết những nhà cung cấp là bên thứ ba chiếm từ 10% trở lên trong tổng phải trả ngắn hạn của nhà cung cấp như sau:

	2020 VND	2019 VND
Công ty Cổ phần Bò Câu	1.624.930.311	-
Công ty Cổ phần Chương Dương	<u>1.308.926.357</u>	<u>18.944.001</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019, Công ty không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào bị quá hạn thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

Mẫu số B 09 – DN

12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/(PHẢI THU) NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải nộp/(phải thu) Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày 1.1.2020 VND	Số phải nộp VND	Cán trừ VND	Số đã thực nộp VND	Tại ngày 31.12.2020 VND
(a) Phải nộp					
Thuế TNDN	1.448.846.877	-	-	(1.448.846.877)	-
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.074.719.363	13.837.814.517	(6.861.919.137)	(7.525.927.110)	524.687.633
Thuế tiêu thụ đặc biệt	102.522.296	751.352.606	-	(782.420.411)	71.454.491
Thuế thu nhập cá nhân	151.958.379	856.285.305	7.537.914	(1.015.781.598)	-
Thuế đất phi nông nghiệp	-	1.138.832.593	-	(1.138.832.593)	-
Tiền thuế đất phải nộp	-	49.785.149.684	-	(49.785.149.684)	-
Tiền thuế đất truy thu (Thuyết minh 29)	-	216.605.639.367	(4.588.003.000)	(212.017.636.367)	-
Thuế, phí và lệ phí khác	931.200	23.166.153	-	(23.153.353)	944.000
	<u>2.778.978.115</u>	<u>282.998.240.225</u>	<u>(11.442.384.223)</u>	<u>(273.737.747.993)</u>	<u>597.086.124</u>
(b) Phải thu					
Tiền thuế đất (*)	(4.588.003.000)	-	4.588.003.000	-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	-	(6.861.919.137)	6.861.919.137	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	(7.537.914)	-	(7.537.914)
Thuế TNDN nộp thừa (Thuyết minh 29)	-	(22.378.333.395)	-	-	(22.378.333.395)
	<u>(4.588.003.000)</u>	<u>(29.240.252.532)</u>	<u>11.442.384.223</u>	<u>-</u>	<u>(22.385.871.309)</u>

12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/(PHẢI THU) NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

(*) Số tiền thuê đất đã nộp bởi Công ty vào ngân sách Nhà nước của khu đất 19.300 m² tại Số 3 Hòa Bình, Phường 3, Quận 11, TP. HCM cho giai đoạn từ tháng 7 đến tháng 12 năm 2018 theo Thông báo Số 14630/TB-CT ngày 25 tháng 7 năm 2019 của Cục Thuế TP. HCM. Theo Công văn Số 1034/STNMT-QLĐ ngày 17 tháng 2 năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường ("Công văn 1034"), khu đất này đã được Thủ tướng Chính phủ cho Công ty thuê để liên doanh với Công ty Tài chính Cổ phần Sài Gòn, đầu tư xây dựng Công viên Nước Đầm Sen với thời hạn thuê là 20 năm, kể từ ngày 2 tháng 7 năm 1998 theo Quyết định Số 768/QĐ-TTg ngày 9 tháng 8 năm 1999. Ngày 10 tháng 1 năm 2000, UBND TP. HCM cấp Giấy Chứng nhận Quyền Sử dụng Đất Số 154/1aQSDĐ/2817/UB cho Công ty Cổ phần Công viên Nước Đầm Sen. Do đó, theo Công văn 1034, đối tượng nộp số tiền thuê 19.300 m² đất tại Số 3 Hòa Bình, Phường 3, Quận 11, TP. HCM là Công ty Cổ phần Công viên Nước Đầm Sen. Trong năm 2020, số tiền này đã được căn trừ với các khoản truy thu tiền thuê đất từ Chi cục Thuế Quận 11, TP. HCM.

13 PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số dư thể hiện khoản tiền lương tháng 12 phải trả cho người lao động.

14 PHẢI TRẢ KHÁC**(a) Ngắn hạn**

	2020 VND	2019 VND
Phải trả liên quan đến hoạt động góp vốn liên doanh với Chí Đạt (*) (Thuyết minh 30)	29.118.387.913	29.080.056.313
Tiền đặt cọc phải trả	1.168.016.873	1.586.629.944
Bảo hành công trình	1.030.751.164	1.261.926.901
Cổ tức phải trả (Thuyết minh 27(b))	223.301.110	133.516.610
Quỹ tiền lương, thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	217.200.000	504.000.000
Doanh thu BCC phải trả cho Công ty Cổ phần Công viên Nước Đầm Sen (Thuyết minh 27(b))	93.382.400	83.576.000
Khác	477.613.115	436.350.059
	<u>32.328.652.575</u>	<u>33.086.055.827</u>

(*) Số dư chủ yếu bao gồm doanh thu từ việc cho thuê mặt bằng và kinh doanh Bowling tại Trung tâm Thương mại Bowling từ năm 1998 đến 2010. Số dư này sẽ được quyết toán khi UBND TP. HCM có quyết định về số liệu quyết toán vốn nhà nước trong thời kỳ chuyển thể (Thuyết minh 30).

(b) Dài hạn

	2020 VND	2019 VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	<u>2.507.000.000</u>	<u>2.567.942.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

Mẫu số B 09 – DN

15 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Biến động Quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	6.021.830.878	5.144.654.499
Tăng (Thuyết minh 17)	4.272.664.610	7.206.802.867
Giảm	(6.779.426.500)	(6.329.626.488)
Số dư cuối năm	<u>3.515.068.988</u>	<u>6.021.830.878</u>

16 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	2020 Cổ phiếu phổ thông	2019 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	<u>118.684.000</u>	<u>118.684.000</u>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>118.684.000</u>	<u>118.684.000</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>118.684.000</u>	<u>118.684.000</u>

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2020		2019	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn				
- TNHH Một Thành viên	58.155.160	49,00	58.155.160	49,00
Công ty Cổ phần Sam Holdings	41.489.425	34,96	41.489.425	34,96
Cổ đông khác	19.039.415	16,04	19.039.415	16,04
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>118.684.000</u>	<u>100</u>	<u>118.684.000</u>	<u>100</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

Mẫu số B 09 – DN

17 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	LNST chưa phân phối/(lỗ sau thuế lũy kế) VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	1.186.840.000.000	69.686.924.280	80.345.718.226	1.336.872.642.506
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	61.038.065.859	61.038.065.859
Chia cổ tức	-	-	(71.210.400.000)	(71.210.400.000)
Phân phối Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(7.206.802.867)	(7.206.802.867)
Điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước	-	-	805.443.905	805.443.905
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	1.186.840.000.000	69.686.924.280	63.772.025.123	1.320.298.949.403
Lỗ trong năm	-	-	(181.463.991.193)	(181.463.991.193)
Chia cổ tức (i) (Thuyết minh 18)	-	-	(59.342.000.000)	(59.342.000.000)
Phân phối Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i) (Thuyết minh 15)	-	-	(4.272.664.610)	(4.272.664.610)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	1.186.840.000.000	69.686.924.280	(181.306.630.680)	1.075.220.293.600

(i) Theo Nghị quyết Số 05/2020/HĐQT/NQ tại ngày 16 tháng 6 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2019 bằng cách trích các Quỹ khen thưởng, phúc lợi và chia cổ tức với số tiền là 4.272.664.610 Đồng và 59.342.000.000 Đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

Mẫu số B 09 – DN

18 TRẢ CÒ TỨC

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	133.516.610	25.887.500
Cổ tức phải trả trong năm (Thuyết minh 17)	59.342.000.000	71.210.400.000
Cổ tức đã chi trả bằng tiền	(59.252.215.500)	(71.102.770.890)
Số dư cuối năm	<u>223.301.110</u>	<u>133.516.610</u>

19 (LỖ)/LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số (lỗ)/lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	2020	2019
(Lỗ)/lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	(181.463.991.193)	61.038.065.859
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	(4.272.664.610)
	<u>(181.463.991.193)</u>	<u>56.765.401.249</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	118.684.000	118.684.000
(Lỗ)/lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND) (**)	<u>(1.529)</u>	<u>478</u>

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty không trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo kế hoạch phân phối lợi nhuận cho năm tài chính 2020 được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt vào ngày 16 tháng 6 năm 2020.

(**) Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2019 đã được tính lại để phản ánh khoản thực trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận thuần của năm 2019 theo Nghị quyết Số 05/2020/HĐQT/NQ tại ngày 16 tháng 6 năm 2020 như sau:

	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	54.934.259.273	1.831.141.976	56.765.401.249
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	118.684.000	-	118.684.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>463</u>	<u>15</u>	<u>478</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

Mẫu số B 09 – DN

20 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2020 VND	2019 VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	130.238.110.626	302.946.974.408
Doanh thu thuần bán hàng hóa	1.078.397.530	3.036.298.342
	<u>131.316.508.156</u>	<u>305.983.272.750</u>

21 GIÁ VỐN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2020 VND	2019 VND
Tiền thuê đất truy thu (*)	111.350.646.249	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	220.470.862.506	283.229.978.830
Giá vốn của hàng hóa đã bán	501.762.071	1.677.105.554
	<u>332.323.270.826</u>	<u>284.907.084.384</u>

(*) Tiền thuê đất truy thu trong năm bao gồm: 102.519.847.860 Đồng theo Báo cáo Kiểm toán Nhà nước, 3.179.179.556 Đồng theo các Thông báo từ Chi cục Thuế Quận 11, TP. HCM, 4.588.003.000 Đồng theo Thông báo từ Cục Thuế TP. HCM và 1.063.615.833 Đồng theo Thông báo từ Chi cục Thuế Huyện Cần Giờ, TP. HCM (Thuyết minh 29).

22 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2020 VND	2019 VND
Lãi tiền gửi	56.412.996.323	62.010.306.605
Cổ tức được chia (Thuyết minh 27(a))	9.725.841.600	26.340.821.000
	<u>66.138.837.923</u>	<u>88.351.127.605</u>

23 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2020 VND	2019 VND
Chi phí quảng cáo	3.588.121.370	6.342.003.097
Chi phí nhân viên	2.760.800.976	3.699.296.485
Chi phí hoa hồng	108.348.125	255.971.619
Khác	341.429.256	623.970.511
	<u>6.798.699.727</u>	<u>10.921.241.712</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

Mẫu số B 09 – DN

24 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2020 VND	2019 VND
Chi phí phải trả về Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV (Thuyết minh 27(a))	20.257.321.018	-
Chi phí lợi thế kinh doanh (*)	10.183.614.012	10.183.614.012
Chi phí lương nhân viên	4.866.463.000	6.769.329.500
Chi phí lương và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	2.700.692.000	3.963.628.000
Chi phí thuê nhà	1.976.363.622	1.090.909.080
Các khoản chi theo lương	1.206.292.100	1.315.819.887
Chi phí dịch vụ mua ngoài	607.185.194	807.890.499
Chi phí khấu hao TSCĐ	414.531.801	506.082.009
Chi phí công cụ, dụng cụ	99.783.340	160.503.412
Khác	3.406.595.803	3.984.837.300
	<u>45.718.841.890</u>	<u>28.782.613.699</u>

(*) Chi phí lợi thế kinh doanh phát sinh sau khi thực hiện xác định Giá trị doanh nghiệp tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và đã được UBND TP. HCM phê duyệt theo Quyết định Số 6040/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2015.

25 THUẾ TNDN

Số thuế TNDN trên (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2020 VND	2019 VND
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(181.463.991.193)	70.184.067.753
Thuế tính ở thuế suất 20%	(36.292.798.239)	14.036.813.551
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(1.945.168.320)	(5.268.164.200)
Chi phí không được khấu trừ	168.174.802	377.352.543
Lỗ tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại	38.069.791.757	-
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>-</u>	<u>9.146.001.894</u>
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	<u>-</u>	<u>9.146.001.894</u>

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

25 THUẾ TNDN HIỆN HÀNH (tiếp theo)

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Năm phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Số lỗ tính thuế phát sinh VND	Số lỗ tính thuế đã được sử dụng VND	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau VND
2020	Chưa thanh tra thuế	190.348.958.785	-	190.348.958.785

Công ty không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trên vì khả năng Công ty có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

26 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2020 VND	2019 VND
Chi phí tiền thuê đất truy thu (Thuyết minh 21)	111.350.646.249	-
Chi phí thuê đất và thuế đất	50.923.982.277	30.635.427.581
Chi phí lương nhân viên	44.966.698.289	64.591.766.107
Chi phí khấu hao TSCĐ	42.885.063.405	46.647.784.672
Chi phí phải trả về Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV (Thuyết minh 24)	20.257.321.018	-
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.429.104.314	36.981.833.641
Các khoản theo lương	12.178.983.763	14.709.896.645
Chi phí phân bổ lợi thế kinh doanh	10.183.614.012	10.183.614.012
Chi phí lễ hội	9.266.164.527	19.818.780.566
Chi phí thuê nhà và thuê tài sản	8.515.611.696	12.911.914.279
Chi phí khách mua gói du lịch	6.374.049.407	15.749.986.229
Chi phí sửa chữa, bảo trì	6.367.811.143	7.529.150.168
Chi phí quảng cáo	3.588.121.370	6.342.003.097
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.267.325.171	4.881.565.041
Chi phí lương và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	2.700.692.000	3.963.628.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	799.760.361	2.332.142.052
Khác	33.785.863.441	47.331.447.705
	<u>384.840.812.443</u>	<u>324.610.939.795</u>

27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty là một công ty cổ phần với hai cổ đông lớn là Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV và Công ty Cổ phần Sam Holdings được trình bày ở Thuyết minh 16. Định nghĩa các bên liên quan được trình bày ở Thuyết minh 2.26 và chi tiết các bên liên quan là công ty liên kết được trình bày ở Thuyết minh 4(b).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

Mẫu số B 09 – DN

27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối liên hệ
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn – TNHH MTV	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Sam Holdings	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Công viên Nước Đầm Sen	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dây và Cáp SACOM	Có chung thành viên quản lý chủ chốt

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2020 VND	2019 VND
i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Công viên Nước Đầm Sen	330.329.636	2.966.017.014
Công ty Cổ phần Sam Holdings	238.883.809	963.498.645
Công ty Cổ phần Dây và Cáp SACOM	177.919.883	-
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV	100.768.171	597.693.645
	<u>847.901.499</u>	<u>4.527.209.304</u>
ii) Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty Cổ phần Công viên Nước Đầm Sen	142.136.364	631.410.000
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV	-	222.753.208
	<u>142.136.364</u>	<u>854.163.208</u>
iii) Thu nhập từ cổ tức (Thuyết minh 22)		
Công ty Cổ phần Công viên Nước Đầm Sen	<u>9.725.841.600</u>	<u>26.340.821.000</u>
iv) Chia doanh thu hợp đồng hợp tác kinh doanh		
Công ty Cổ phần Công viên Nước Đầm Sen	<u>1.070.234.543</u>	<u>1.050.194.548</u>
v) Hoạt động tài chính (Thuyết minh 18)		
Chia cổ tức cho các cổ đông	<u>59.342.000.000</u>	<u>71.210.400.000</u>
vi) Chi phí phải trả (Thuyết minh 24)		
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV	<u>20.257.321.018</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

Mẫu số B 09 – DN

27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

vii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt

		2020 VND	2019 VND
Thu nhập			
Ông Nguyễn Quốc Anh	Tổng Giám đốc	597.445.000	789.300.000
Ông Hoàng Văn Bá	Phó Tổng Giám đốc	402.738.000	530.540.000
Ông Dư Hữu Danh	Phó Tổng Giám đốc	402.738.000	530.540.000
Ông Lê Song Trọng Chính	Phó Tổng Giám đốc	399.555.000	528.748.000
Thủ lao			
Ông Trần Việt Anh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	115.200.000	240.000.000
Ông Nguyễn Quốc Anh	Thành viên Hội đồng Quản trị	115.200.000	153.600.000
Ông Nguyễn Đông Hòa	Thành viên Hội đồng Quản trị	115.200.000	153.600.000
Ông Nguyễn Tiến Đạt	Thành viên Hội đồng Quản trị	115.200.000	153.600.000
Ông Phương Xuân Thụy	Thành viên Hội đồng Quản trị	67.200.000	-
Bà Lê Thị Lan Hương	Thành viên Hội đồng Quản trị	59.200.000	38.400.000
Ông Trần Anh Vương	Thành viên Hội đồng Quản trị	-	115.200.000
Tổng cộng		2.389.676.000	3.233.528.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

Mẫu số B 09 – DN

27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2020 VND	2019 VND
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Công ty Cổ phần Sam Holdings	46.550.000	38.884.000
Công ty Cổ phần Dây và Cáp SACOM	11.860.000	49.655.000
Công ty Cổ phần Công viên Nước Đầm Sen	1.860.000	1.262.549.000
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV	1.000.000	-
	<u>61.270.000</u>	<u>1.351.088.000</u>
ii) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 6(a))		
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV	62.619.338.705	-
Cổ tức phải thu từ Công ty Cổ phần Công viên Nước Đầm Sen	-	14.588.762.400
	<u>62.619.338.705</u>	<u>14.588.762.400</u>
iii) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 11)		
Công ty Cổ phần Công viên Nước Đầm Sen	<u>2.910.909</u>	<u>181.129.089</u>
iv) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 14(a))		
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	223.301.110	133.516.610
Doanh thu BCC phải trả cho Công ty Cổ phần Công viên Nước Đầm Sen	93.382.400	83.576.000
	<u>316.683.510</u>	<u>217.092.610</u>

28 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	2020 VND	2019 VND
Dưới 1 năm	2.880.000.000	3.168.000.000
Từ 1 đến 5 năm	2.880.000.000	6.336.000.000
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	<u>5.760.000.000</u>	<u>9.504.000.000</u>

29 VIỆC TRUY THU TIỀN THUÊ ĐẤT

Trong năm tài chính này, Công ty đã nhận được Báo cáo Kiểm toán từ Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII và các thông báo truy thu tiền thuê đất từ Chi cục Thuế Quận 11, Chi cục Thuế Huyện Cần Giờ như sau:

Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị phần Vốn Nhà nước tại Thời điểm Chính thức Chuyển thành Công ty Cổ phần tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (nay là Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ)

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII phát hành Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị phần Vốn Nhà nước tại Thời điểm Chính thức Chuyển thành Công ty Cổ phần tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (nay là Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ) (“Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị phần Vốn Nhà nước”), với thời kỳ kiểm toán từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 30 tháng 6 năm 2014 đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần ngày 16 tháng 5 năm 2016.

Theo đó, đối với khoản tiền thuê đất truy thu, Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII kiến nghị Công ty nộp ngân sách Nhà nước tiền thuê đất được xác định tăng thêm là 209.413.504.962 Đồng, cụ thể:

- Truy thu tiền thuê đất từ ngày 1 tháng 7 năm 2014 đến ngày 16 tháng 5 năm 2016: 105.254.993.118 Đồng, đối với Khu đất Số 3 Hòa Bình, Phường 3, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh (“Công viên Đàm Sen”); và
- Truy thu tiền thuê đất từ ngày 17 tháng 5 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019: 104.158.511.844 Đồng; trong đó số tiền truy thu lần lượt là 86.126.173.766 Đồng, 17.487.371.110 Đồng và 544.966.968 Đồng đối với Khu đất Công viên Đàm Sen, Khu đất Công viên Nước Đàm Sen và Khu đất Số 915 Đường 3/2, TP. Hồ Chí Minh (“Khu đất số 915”).

Bên cạnh đó, Kiểm toán Nhà nước cũng tạm tính truy thu tiền thuê đất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2006 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đối với Khu đất Công viên Đàm Sen là 130.634.137.200 Đồng nhưng không đề nghị xử lý tài chính truy thu số tiền này. Số tiền này cũng đã tính vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và thu hồi lại một phần khi phát hành cổ phiếu.

Các kiến nghị xử lý khác từ Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII như sau:

- Giảm lợi nhuận chưa phân phối giai đoạn chuyển thể nộp về Công ty mẹ - Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV với số tiền 75.271.406.874 Đồng do ảnh hưởng từ sự tăng lên của tiền thuê đất truy thu giai đoạn trước cổ phần hóa 105.254.993.118 Đồng, tăng khoản cổ tức phải nộp về Công ty mẹ 7.605.252.849 Đồng và thuế TNDN giảm trong giai đoạn này do thay đổi khác trong doanh thu, chi phí theo kết quả kiểm toán là 22.378.333.395 Đồng.
- Đề nghị UBND Thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo Công ty thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước tại Báo cáo Kiểm toán này; báo cáo kết quả thực hiện về Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII trước ngày 31 tháng 10 năm 2020. Trong Báo cáo Kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán cần nêu rõ: những kiến nghị đã thực hiện, kiến nghị đang thực hiện, kiến nghị chưa thực hiện (giải thích rõ lý do chưa thực hiện).

29 VIỆC TRUY THU TIỀN THUÊ ĐẤT (tiếp theo)

Thông báo truy thu tiền thuê đất từ Chi cục Thuế Quận 11 đã ban hành trong năm 2020 và 2021

Trong năm 2020 và 2021, các thông báo truy thu tiền thuê đất được Chi cục Thuế Quận 11 ban hành như sau:

- Thông báo Số 337/TB-CCT ban hành ngày 31 tháng 3 năm 2020 về việc nộp bổ sung tiền thuê đất từ ngày 1 tháng 1 năm 1996 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014: 162.470.761.414 Đồng, đối với Khu đất Công viên Đàm Sen;
- Thông báo Số 338/TB-CCT ban hành ngày 31 tháng 3 năm 2020 về việc nộp bổ sung tiền thuê đất từ ngày 1 tháng 7 năm 2014 đến ngày 16 tháng 5 năm 2016: 40.117.912.033 Đồng, đối với Khu đất Công viên Đàm Sen;
- Thông báo Số 1796/TB-CCT ban hành ngày 28 tháng 8 năm 2020 về việc nộp bổ sung tiền thuê đất từ ngày 17 tháng 5 năm 2016 đến ngày 1 tháng 7 năm 2018: 2.187.394.031 Đồng, đối với Khu đất Công viên Nước Đàm Sen;
- Thông báo Số 713/TB-CCT ban hành ngày 21 tháng 5 năm 2020 về việc nộp bổ sung tiền thuê đất từ ngày 17 tháng 5 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019: 798.725.360 Đồng đối với Khu đất Số 915; và
- Thông báo Số 714/TB-CCT ban hành ngày 21 tháng 5 năm 2020 về việc nộp bổ sung tiền thuê đất từ ngày 17 tháng 5 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019: 1.286.757.180 Đồng đối với Khu đất Số 79-83 Hòa Bình, Phường 3, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh ("Số 79-83 Hòa Bình").
- Thông báo Số 170/TB-CCTQ11 ban hành ngày 3 tháng 2 năm 2021 về việc nộp bổ sung tiền thuê đất từ ngày 17 tháng 5 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019: 83.415.136.382 Đồng đối với Khu đất Công viên Đàm Sen.
- Theo Quyết định Số 84 đến 89/QĐ-CCT-CC ban hành ngày 9 tháng 3 năm 2021 về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản/yêu cầu phong tỏa tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế tại Kho bạc Nhà nước, tổ chức tín dụng, Chi cục Thuế Quận 11 đã yêu cầu các ngân hàng trích tiền từ tài khoản/phong tỏa tài khoản của Công ty để thực hiện cưỡng chế số tiền chậm nộp tiền thuế là 8.142.251.112 Đồng.

Thông báo truy thu tiền thuê đất từ Chi cục Thuế Huyện Cần Giờ đã ban hành trong năm 2020

Trong năm 2020, Chi cục Thuế Huyện Cần Giờ đã ban hành Thông báo Số 659/TB-CCT ngày 28 tháng 7 năm 2020 về việc nộp bổ sung tiền thuê đất giai đoạn từ ngày 15 tháng 5 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019: 1.063.615.833 Đồng, đối với diện tích sử dụng đất 57.500 m² tại Khu Du lịch Sinh thái Rừng ngập mặn Vàm Sát.

29 VIỆC TRUY THU TIỀN THUÊ ĐẤT (tiếp theo)

Hạch toán kế toán cho các khoản trả tiền thuê đất truy thu theo các Thông báo truy thu tiền thuê đất và Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị phần Vốn Nhà nước

Công ty đã ghi nhận vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

- Hạch toán số truy thu tiền thuê đất vào Giá vốn hàng bán trong năm là 111.350.646.249 Đồng (Thuyết minh 21), bao gồm:
 - Giai đoạn từ ngày 17 tháng 5 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, số tiền truy thu từ Kiểm toán Nhà nước: 102.519.847.860 Đồng. Theo kiến nghị từ Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị phần vốn Nhà nước, Công ty phải nộp về Ngân sách Nhà nước 104.158.511.844 Đồng, trong đó số tiền truy thu lần lượt là 86.126.173.766 Đồng - Khu đất Công viên Đàm Sen, 17.487.371.110 Đồng - Khu đất Công viên Nước Đàm Sen và 544.966.968 Đồng - Khu đất Số 915. Tuy nhiên, theo Công văn 160/CV-2020 ngày 15 tháng 10 năm 2020 Công ty gửi đến Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII, Công ty đã nộp Ngân sách Nhà nước 798.725.360 Đồng cho Khu đất 915 (Thông báo Số 713/TB-CCT) và 1.093.697.016 Đồng cho Khu đất Công viên nước Đàm Sen (Thông báo 1796/TB-CCT); do đó, Công ty đã hạch toán và nộp số tiền là 102.519.847.860 Đồng sau khi trừ đi khoản 544.966.968 Đồng và 1.093.697.016 Đồng như trên;
 - Giai đoạn từ ngày 17 tháng 5 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, số tiền truy thu từ Chi cục Thuế Quận 11: 3.179.179.556 Đồng. Số tiền này bao gồm 798.725.360 Đồng cho Khu đất 915 (Thông báo Số 713/TB-CCT), 1.286.757.180 sĐồng cho Khu đất Số 79-83 Hòa Bình (Thông báo Số 714/TB-CCT) và 1.093.697.016 Đồng cho Khu đất Công viên nước Đàm Sen (Thông báo 1796/TB-CCT);
 - Giai đoạn từ tháng 7 năm 2018 đến tháng 12 năm 2018, số tiền truy thu từ Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh: 4.588.003.000 Đồng cho Khu đất Công viên nước Đàm Sen (Thông báo Số 14630/TB-CCT ngày 25 tháng 7 năm 2019) (Thuyết minh 12(b)); và
 - Giai đoạn từ ngày 15 tháng 5 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, số tiền truy thu từ Chi cục Thuế Huyện Cần Giờ: 1.063.615.833 Đồng cho Khu đất Khu Du lịch Sinh Thái Vàm Sát (Thông báo Số 659/TB-CCT).

29 VIỆC TRUY THU TIỀN THUẾ ĐẤT (tiếp theo)

Hạch toán kế toán cho các khoản trả tiền thuê đất truy thu theo các Thông báo truy thu tiền thuê đất và Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị phần Vốn Nhà nước (tiếp theo)

- Hạch toán số truy thu tiền thuê đất 105.254.993.118 Đồng theo Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị phần Vốn Nhà nước giai đoạn từ 1 tháng 7 năm 2014 đến 16 tháng 5 năm 2016 như sau:
 - Khoản phải thu từ Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn – TNHH MTV: 62.619.338.705 Đồng (Thuyết minh 6(a)) do ảnh hưởng từ sự tăng lên của tiền thuê đất truy thu giai đoạn trước cổ phần hóa 105.254.993.118 Đồng làm giảm lợi nhuận chưa phân phối đã nộp về công ty mẹ; thuế TNDN giảm trong giai đoạn này do các thay đổi khác trong doanh thu, chi phí theo kết quả kiểm toán là 22.378.333.395 Đồng; sau khi trừ nghĩa vụ tài chính 7.605.252.849 Đồng số tiền phân bổ cổ tức từ Công viên Nước Đầm Sen mà Công ty phải nộp về công ty mẹ và 12.652.068.169 Đồng tương ứng với khoản lãi tiền chiếm dụng lợi nhuận chưa phân phối kể trên;
 - Khoản phải thu Nhà nước số tiền 22.378.333.395 Đồng như trên (Thuyết minh 12(b));
 - Hạch toán vào Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm số tiền: 20.257.321.018 Đồng; bao gồm 7.605.252.849 Đồng và 12.652.068.169 Đồng như trên (Thuyết minh 24).
- Hạch toán tổng số tiền thuê đất truy thu trong năm Công ty đã nộp Nhà nước: 212.017.636.367 Đồng (Thuyết minh 12(a)), bao gồm:
 - Theo Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị phần Vốn Nhà nước: 105.254.993.118 Đồng (giai đoạn từ 1 tháng 7 năm 2014 đến 16 tháng 5 năm 2016) và 102.519.847.860 Đồng (giai đoạn từ 17 tháng 5 năm 2016 đến 31 tháng 12 năm 2019);
 - Theo Thông báo từ Chi cục Thuế Quận 11: 1.093.697.016 Đồng (Thông báo 1796/TB-CCT); 798.725.360 Đồng (Thông báo Số 713/TB-CCT) và 1.286.757.180 Đồng (Thông báo Số 714/TB-CCT); và
 - Theo Thông báo từ Chi cục Thuế Huyện Cần Giờ: 1.063.615.833 Đồng (Thông báo Số 659/TB-CCT).
- Đối với khoản tiền truy thu của Chi cục Thuế Quận 11 theo Thông báo Số 170/TB-CCTQ11 và khoản tiền phạt chậm nộp theo Quyết định Số 84-89/QĐ-CCT-CC, vào ngày 15 tháng 3 năm 2021, Công ty đã làm đơn khiếu nại gửi Tổng cục Thuế, trong đó nêu rõ, Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ nộp truy thu tiền thuê đất theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2014 đến ngày 16 tháng 5 năm 2016 và giai đoạn từ ngày 17 tháng 5 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 207.774.840.978 Đồng vào ngày 12 tháng 10 năm 2020. Tuy nhiên, Chi cục Thuế Quận 11 đã tự động căn trừ số tiền Công ty đã nộp theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII vào các thông báo do Chi cục Thuế Quận 11 ban hành trước kia. Công ty nhận định Chi cục Thuế Quận 11 đã ghi nhận không đúng thời gian số tiền Công ty nộp truy thu tiền thuê đất theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước XIII và tiếp tục ban hành thông báo truy thu cho giai đoạn từ ngày 17 tháng 5 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là trùng với Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII đã truy thu. Tại ngày phát hành báo cáo, Công ty chưa nhận được phản hồi từ Tổng cục Thuế. Do đó, Công ty chưa hạch toán tiền truy thu tiền thuê đất và khoản tiền phạt chậm nộp này.

29 VIỆC TRUY THU TIỀN THUÊ ĐẤT (tiếp theo)

Hạch toán kế toán cho các khoản trả tiền thuê đất truy thu theo các Thông báo truy thu tiền thuê đất và Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị phần Vốn Nhà nước (tiếp theo)

- Ngoài ra, ngày 19 tháng 3 năm 2021, Công ty đã làm đơn khởi kiện gửi Tòa án Nhân dân Quận 11, TP. Hồ Chí Minh. Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ nộp tiền thuê đất theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII. Tuy nhiên, việc Chi cục Thuế Quận 11 ban hành các thông báo nộp tiền và Quyết định cưỡng chế như trên là không đúng với kết luận Kiểm toán Nhà nước, không xác định đúng nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ. Do đó, Công ty đề nghị Tòa án Nhân dân Quận 11 giải quyết hủy bỏ các thông báo truy thu tiền thuê đất số 337 và 338/TB-CCT, 170/TB-CCTQ11.

30 TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI

Ngày 12 tháng 10 năm 1996, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ ký Hợp đồng Hợp tác Liên doanh Số 22/HĐ-96 với Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt (“Công ty Chí Đạt”) để thành lập Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen. Trong quá trình thực hiện, Công ty Chí Đạt có ký hai hợp đồng thuê tài chính số K97006 và K98002 ngày 16 tháng 2 năm 1998 với Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Kexim Việt Nam, tên cũ là Công ty Cho thuê Tài chính Kexim Việt Nam (“Công ty Kexim”).

Trong năm 1999, Công ty Chí Đạt và Công ty Kexim xảy ra tranh chấp liên quan đến hai hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên. Theo Bản án Số 1113/2009/KDTM-ST ngày 8 tháng 5 năm 2009, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ chịu trách nhiệm liên đới trong việc tranh chấp hai hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên. Sau đó, Công ty đã nộp đơn kháng cáo lên Tòa án Nhân dân Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh. Ngày 12 tháng 1 năm 2010, Tòa Phúc thẩm Tòa án Nhân dân Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm lần thứ hai, ra tuyên bố hủy Bản án Số 1113/2009/KDTM-ST ngày 8 tháng 5 năm 2009 và giao cho Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục chung. Vụ án được Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm lần thứ ba vào ngày 13 tháng 12 năm 2013. Theo đó, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Bản án Số 1457/2013/KDTM-ST quyết định Công ty có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty Kexim số tiền 2.022.082,725 đô la Mỹ trừ đi 127.772.000 đồng (do đã nộp tiền cho Kho bạc Nhà nước) là giá trị gốc của các hệ thống thiết bị phát sinh từ hai hợp đồng thuê tài chính nêu trên mà Công ty trực tiếp sử dụng, khai thác thương mại từ năm 1998 đến năm 2007 và đang quản lý từ năm 1998 đến nay.

Do hệ thống trò chơi Bowling không sử dụng từ năm 2007 đến nay đã xuống cấp và lỗi thời nên năm 2010 và 2012, các bên liên quan (Công ty, Công ty Chí Đạt và Công ty Kexim) đều thống nhất việc yêu cầu định giá lại tài sản liên quan đến hai hợp đồng thuê tài chính trên. Qua hai lần yêu cầu định giá bởi Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định Giá Miền Nam, các cơ quan định giá đều phản hồi toàn bộ tài sản yêu cầu định giá là máy móc giải trí chuyên dùng, gặp nhiều khó khăn vì không có đầy đủ thông tin để làm cơ sở tính toán, ngoài ra yêu cầu định giá vào thời điểm năm 2000 là không có cơ sở.

Ngày 6 tháng 1 năm 2014, Công ty tiếp tục nộp đơn kháng cáo lên Tòa án Nhân dân Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh. Đến ngày 30 tháng 9 năm 2014, Tòa án Nhân dân Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh ra quyết định tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án để chờ kết quả định giá tài sản tranh chấp của Công ty Tư vấn và Thẩm định Giá Đông Nam và Tòa án sẽ tiếp tục giải quyết vụ án kinh doanh thương mại này khi lý do tạm đình chỉ bị hủy.

30 TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI (tiếp theo)

Ngày 8 tháng 10 năm 2019, Tòa án Nhân dân Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh đã gửi Công văn Số 5/GTT-TANDCC để triệu tập đại diện Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ Công ty Kexim kiện Công ty Chí Đạt nêu trên, có mặt tại phiên tòa phúc thẩm của Tòa án Nhân dân Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh ngày 1 tháng 11 năm 2019.

Ngày 26 tháng 10 năm 2019, Công ty gửi Công văn Số 149/CV-DLPT cho Tòa án Nhân dân Cấp cao tại TP.HCM đề nghị hoãn phiên tòa ngày 1 tháng 11 năm 2019, với lý do các cổ đông và Hội đồng Quản trị mới của Công ty cần có thời gian để nắm bắt lại toàn bộ nội dung vụ việc trước khi tham dự phiên xử của Tòa án Nhân dân Cấp cao tại TP.HCM nhằm thực hiện tốt nhất việc bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp theo quy định pháp luật.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, Tòa án Nhân dân Cấp cao tại TP.HCM đã gửi Công văn Số 14291/GTT-TANDCC để triệu tập đại diện Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ Công ty Kexim kiện Công ty Chí Đạt nêu trên, có mặt tại phiên tòa phúc thẩm của Tòa án Nhân dân Cấp cao tại TP.HCM ngày 22 tháng 6 năm 2020.

Theo Bản án số 27/2020/KDTM-PT ngày 25 tháng 6 năm 2020, Tòa án Nhân dân Cấp cao đã đưa ra các phán quyết sau:

- Công ty Kexim phải chịu trách nhiệm 50% tổng giá trị thiệt hại (số tiền là 2.022.082,725 đô la Mỹ); Công ty Chí Đạt và Công ty Phú Thọ cùng liên đới chịu trách nhiệm đối với 50% tổng giá trị thiệt hại còn lại. Tỷ lệ chịu trách nhiệm của Công ty Chí Đạt và Công ty Phú Thọ sẽ căn cứ vào tỷ lệ thỏa thuận góp vốn ban đầu trong Hợp đồng Liên doanh Số 22/HĐ-96 ngày 12 tháng 10 năm 1996 (Công ty Chí Đạt: 70%, tương ứng với 707.728,952 đô la Mỹ và Công ty Phú Thọ: 30%, tương ứng với 303.312,408 đô la Mỹ);
- Số tiền 127.772.000 Đồng đã thanh toán được chia theo tỷ lệ 70/30 để trừ vào số tiền phải trả của Công ty Chí Đạt và Công ty Phú Thọ;
- Công ty Phú Thọ được tự xử lý dây chuyền thiết bị hệ thống Bowling và các thiết bị kèm theo, theo danh mục tài sản kê biên kèm theo quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 308/BPTT-KT ngày 30/12/1999 của Tòa án Nhân dân TP. HCM để giải phóng mặt bằng.

Trong năm 2020, Công ty đã chuyển trả tiền bồi thường cho Công ty Kexim 7.029.265.055 Đồng (tương ứng 303.312,408 đô la Mỹ) theo Quyết định Số 3440/QĐ-CTHADS ngày 14 tháng 9 năm 2020.

Tuy nhiên, theo Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị phần Vốn Nhà nước, các khoản phải thu, phải trả liên quan có thể ảnh hưởng đến số liệu quyết toán vốn nhà nước trong thời kỳ chuyển thể. Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính này, Công ty vẫn đang hạch toán và theo dõi các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán, gồm Phải thu liên quan đến hoạt động góp vốn liên doanh với Chí Đạt 18.243.452.999 Đồng (Thuyết minh 6(b)), Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến chi phí khấu hao trung tâm thương mại Bowling Đàm Sen 6.995.003.594 Đồng (Thuyết minh 8(b)) và Phải trả liên quan đến hoạt động góp vốn liên doanh với Chí Đạt 29.118.387.913 Đồng (Thuyết minh 14(a)).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

Mẫu số B 09a – DN

31 QUYẾT TOÁN CỔ PHẦN HÓA

Ngày 30 tháng 11 năm 2015, UBND TP. HCM phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ thuộc Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV thành công ty cổ phần với vốn điều lệ 1.186.840.000.000 đồng tương ứng 118.684.000 cổ phần theo Quyết định Số 6321/QĐ-UBND. Từ ngày 17 tháng 5 năm 2016, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301074118 thay đổi lần thứ 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp.

Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính này, UBND TP. HCM chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ.

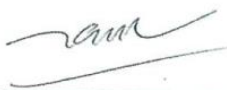
32 SỰ KIẾN KHÁC

Sự tái bùng phát và lan rộng trở lại của đại dịch Covid-19 từ sau ngày báo cáo tài chính là một tình huống đầy khó khăn và thách thức cho tất cả các ngành nghề kinh doanh. Công ty đã thực hiện đánh giá sơ bộ ảnh hưởng của vấn đề này đối với hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như đánh giá khả năng thu hồi tài sản, đánh giá cách ghi nhận tài sản và nợ phải trả. Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc chưa thể ước tính một cách đáng tin cậy ảnh hưởng của Covid-19 đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm tiếp theo. Ban Tổng Giám đốc sẽ tiếp tục ước tính ảnh hưởng của vấn đề này đến kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tiếp theo của Công ty, sẽ tiếp tục theo dõi và đưa ra những biện pháp phù hợp để giảm thiểu tác động của vấn đề này.

33 CÁC SỐ LIỆU SO SÁNH

Một vài số liệu so sánh đã được trình bày lại để phù hợp với việc trình bày của năm nay.

Báo cáo tài chính đã được Ban Tổng Giám Đốc phê chuẩn ngày 26 tháng 3 năm 2021.


Nguyễn Thị Minh Nga
Người lập


Nguyễn Thị Nguyễn
Kế toán Trưởng



48

Tp.HCM, ngày 08 tháng 04 năm 2021


TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quốc Anh